

KIỀU MAI

ĐÔNG Y TRỊ BỆNH

Những bài thuốc

Hải Thượng Lãn Ông
Và Hoa Đà

chữa bệnh cứu người



NHÀ XUẤT BẢN VĂN HÓA THÔNG TIN

ĐÔNG Y TRỊ BỆNH

KIỀU MAI

ĐÔNG Y TRỊ BỆNH

Hiệu đính : TRẦN CƯỜNG

NHÀ XUẤT BẢN VĂN HÓA - THÔNG TIN

LỜI NÓI ĐẦU

“Đông y trị bệnh” là cuốn sách thuộc tủ sách y học phổ thông giới thiệu với đông đảo bạn đọc: những kiến thức về Đông dược, các bài thuốc Đông y trị bách bệnh, cùng các phương pháp dưỡng sinh chăm sóc sức khoẻ, vẻ đẹp theo y học dân gian cổ truyền đơn giản, hiệu quả. Ngoài ra, cuốn sách còn giới thiệu một số phương pháp chẩn trị bằng Đông y của hai danh y huyền thoại: Hải Thượng Lãn Ông và Họa Đà.

Hy vọng tập sách sẽ là tài liệu tham khảo, cẩm nang hữu ích đối với đông đảo bạn đọc, đặc biệt là các bạn đọc quan tâm tới Đông y - kho báu của y học phương Đông và thế giới.

NHÀ XUẤT BẢN VĂN HÓA-THÔNG TIN

HẢI THUƠNG LẤN ÔNG CHỮA BỆNH CỨU NGƯỜI

Dưới đây xin giới thiệu cùng bạn đọc phần ghi chép của Hải Thương Lấn Ông về tình trạng bệnh nhân, bài thuốc, cách chữa trị hiệu quả với một số bệnh.

1. Bệnh tiêu khát.

Mùa đông năm Bính Tý , tôi tới kinh đô, bạn tôi là ông Giám sinh họ Trần, hẹn nhau đến tối đi chơi thuyền ở Hồ Tây để uống rượu làm thơ cho vui. Đúng hẹn, tôi mang đàn tới nhà ông Giám sinh thì thấy trong nhà tỏ ý bối rối, một lát thấy ông Giám sinh về bảo tôi rằng : “Trời chẳng chiều người, làm cụt hứng của chúng ta !”. Tôi ngạc nhiên hỏi tại sao, ông Giám sinh đáp : “Tôi có đứa cháu nhỏ (cháu gọi là cậu) mắc bệnh nặng, tình thế nguy cấp, thầy nhà chữa không khỏi, các thầy thuốc ở kinh đô này cũng đều bó tay. Nghe ông là người học rộng về nghề thuốc, xin giúp một tay”. Tôi nói : “Cháu có ông bác và ông cậu hiện nay cùng là lương y trong Ngự viện của Phủ chúa còn chưa chữa nổi, tôi là một ông lang tầm thường ở nơi sơn dã mong gì chữa được. Nhưng chẳng hay cháu

mắc bệnh gì?”. Ông Giám sinh nói : “Cháu mắc bệnh thương hàn mới khỏi, nhân ăn vài miếng thịt bò nướng với cơm nếp, đến tối đầy bụng phát sốt, cho uống hai thang Bổ trung gia nhữg vị thuốc tiêu đạo, chứng đầy bở, nhưng chứng nóng càng tăng thêm, ngờ là ngoại cảm nhiều lại gia thuốc phát biểu, mồ hôi ra chút ít và khỏi sốt. Đến hôm sau, thấy ở ngực nổi lên một đám như cái đậu, tựa như hòn đá mà không phải là hòn, tựa như trướng mà không phải là trướng, lại nóng như đốt, ấn tay vào không chịu được, phiền khát quá chừng, như thế đã một ngày một đêm; dùng thuốc tiêu đạo, khí cũng không hành; dùng thuốc thanh hoá, nhiệt cũng không lui. Đến nay sinh ra chứng uống nước một phần thì đi đại hai phần, dùng bài Sinh mạch cho uống thay nước chè, bài Lục vị bổ thuỷ, Bát vị dẫn hoá, cho uống luôn đại tể mà nóng vẫn không bở, khát vẫn không giảm, tinh thần ngày càng mệt, dần dần suyễn thở, mồ hôi trán, muốn thoát. Hai ông bác và cậu cùng các thầy thuốc khác đều bó tay cả, chỉ còn đợi chết thôi. Xin ông nghĩ tình bè bạn mau lại cứu cho”. Tôi tự nghĩ rằng : Bổ thuỷ cứu hoá đều là chữa căn bản, cách chữa khát như vậy thật là chu đáo, hai ông thực đúng nổi danh là quốc thủ ⁽¹⁾ chỗ đáng ngờ là trong bụng tựa như hòn, như trướng. Nội kinh nói : “Tổn thương vì nhọc mệt là bất túc, tổn

(1) Quốc thủ : Thầy thuốc giỏi nhất của nước nhà.

thương vì ăn uống là hữu dư”. Đó là đem cái vết hữu hình và cái khí vô hình để phân biệt hư thực. Vả lại, thịt bò tính ôn hay phát nhiệt độc, cơm nếp ăn nhiều hay bế khí, lại ốm vừa mới khỏi, tỳ vị không kiện vận được, ăn vào làm thương tổn thêm. Các thầy thuốc trước đều cho là mới ốm dậy rụt rè không dám dùng thuốc công phát. Nội kinh có câu : “Cốc khí không lưu hành, tắc ở nơi cuống dạ dày làm cho vị khí nóng, nóng đốt lên lồng ngực cho nên thành nóng ở trong”. Sách Thương hàn luận lại nói : “Hạ mau để cứu thận thủy là cái cơ bảo tồn tân dịch hãy còn may may, nếu vậy thì tựa hồ còn có lẽ sống được”. Tôi nói: “Tình sâu bề bạn những muốn cùng nhau chia nỗi lo âu, dám đâu không hết lòng hết sức, chỉ e múa rìu qua mắt thợ, tổ thêm trò cười”. Ông Giám sinh nói : “Không nên quá e dè như vậy”, rồi kéo tôi cùng tới nhà cháu để chẩn trị. Xem qua tình hình bệnh mười phần bối rối, nhưng mạch hai bộ Xích hữu thần, mạch Xung dương còn đập, tay chân ấm áp, nghĩ rằng chứng tiêu khát thực căn ở thận, tại sao các thầy thuốc trước bỏ thủy bổ hỏa mà không công hiệu ? Tất căn bản bệnh chưa tẩy rửa hết được, bây giờ ta phải theo cách chữa chính (chính trị). Ông cậu muốn tôi biện rõ lý luận, ông bác lại nói : “Việc đã nguy cấp thế này may ra còn chút hồng phúc cũng là nhờ ở tay ông, can gì phải yêu cầu biện luận lắm điều”. Tôi nghĩ thầm: quyết phải công hạ mới mong cứu sống được, nhưng nếu ta

nói thật thì bệnh đã gần chết mà lại dùng công phạt khác chi ném đá xuống giếng, tất sinh dị nghị. Tôi bèn dùng một kế để khỏi hởi quanh; nói dối rằng nhà tôi có một phương thuốc gia truyền, rồi lấy thuốc của nhà bệnh ngâm chế một thang. Điều vị thừa khí, bảo đun sôi vài đạo cho uống, một lát bụng sôi, chứng suyễn khỏi dần, tôi biết là sức thuốc chưa tới cho nên mới có cái thế bệnh tà xông ngược lên. Lại bảo đun nước thứ hai cho uống, một lúc sau đau bụng đi ngoài hai lần, ỉa ra toàn thịt bò và cơm nếp. Quả nhiên chứng trướng tiêu, chứng khát khỏi. Tôi nghĩ lúc này nguồn sinh hoá của bệnh nhân đã hết, cần phải bổ tỳ thổ để giữ gìn cái cơ sinh phát, liền dùng một lạng bạch truật, hai đồng cân hắc khương, ba đồng cân chính thảo, năm phân ngũ vị sắc kỹ pha nước sâm vào cho uống, uống xong thì hết ỉa, ngũ say được đến nửa đêm. Trong khi bệnh nhân ngủ tôi bảo không được làm kinh động, khi tỉnh dậy bệnh nhân biết đói đòi ăn, người nhà mừng muốn cho ăn cơm dẻo, tôi ngăn lại bảo : “Phàm tỳ vị đang trống rỗng, chỉ cho ăn cháo loãng dần dần mới tốt”. Lại chế phương thuốc như trước, pha sâm cho uống. Uống xong ba thang thì tinh thần tươi tỉnh, khỏi hết mọi bệnh. Tiếp cho dùng bài Bát vị hoàn giảm đơn bì, bỏ trạch tả, gia ngư tât, ngũ vị để bổ thêm mệnh môn hoá, lại thêm thổ ty tử để bổ dương khí cho tỳ thận, sắc cho uống hai thang thì khỏi hẳn.

Lúc này ông bác và ông cậu đều tấm tắc khen ngợi

phương thuốc gia truyền của tôi thật là hiệu nghiệm, muốn bao nhiêu tiền cũng xin chuộc. Tôi nói : “Tôi chỉ nhân bệnh mà biết thuốc chứ không học ở thầy nào, mà cũng không có phương thuốc bí truyền của người lạ hay tổ tiên chi cả. Vả lại “tin vào phương mà bỏ lý là đáng tiên triết vẫn răn ngừa”. Nếu phương thuốc gia truyền quả chữa đau khỏi đấy thì ngày xưa ông Hiên, ông Kỳ, ông Thương, ông Biển có trí óc cao siêu, tấm lòng từ thiện sao không nghĩ tới đó để mỗi một bệnh lập ra một phương. Vì phương chỉ để mô phỏng, tôi cũng phỏng theo bệnh mà lập ra phương, tùy người mà linh động, đâu có thể đem những phương thuốc sẵn không linh nghiệm gì để gượng chữa cho tất cả mọi chứng bệnh thiên hình vạn trạng, rồi tự cho là lạ, là bí đâu. Tôi liền bảo lấy bã thuốc trước cho hai ông xem, không phải là phương thuốc kỳ bí gì, chỉ là bài Điều vị thừa khí, ai cũng kinh ngạc, liền hỏi tôi về ý dùng phương thuốc này. Tôi nói : “Tổn thương vì ăn uống là bệnh thực thuộc hữu hình, hiện nay cháu vừa mới ốm dậy. Vị âm ⁽¹⁾ chưa hồi phục, tỳ dương ⁽²⁾ chưa được khoẻ lại thịt bò và cơm nếp tính nóng và trệ, cho nên ăn vào không tiêu được, trung tiêu nóng uất, tận dịch khô cạn không tán tới tỳ không đưa tới phế, vì thế sinh chứng tiêu khát. Chính như trong Thương hàn luận nói : “Hạ mau để cứu thân

(1) Vị âm : chất nước nhờn trong dạ dày.

(2) Tỳ dương : tiêu hoá công năng.

thuỷ là cái cơ bảo tồn tân dịch còn mấy may” cũng là ý đó. Vương Thúc Hoà cũng nói : “Bệnh hư tý thành chứng tiêu trung thì chữa bằng thang Điều vị thừa khí”. Nội kinh lại nói : “Tà khí thịnh là chứng thực, bệnh cấp phải chữa ngọn trước cũng như trước hãy dẹp giặc rồi sau mới an ủi lương dân”, đó cũng là nghĩa dùng công làm bổ. Vì tà khí mạnh không trừ đi, chính khí còn ít thì khó trở lại. Cho nên các bậc tiền triết đã nói rõ về đuổi tà để khôi phục chính khí, tôi đâu dám lấy ý kiến không bằng cứ mà coi nhẹ mạng người để làm cách thử thách câu may”. Hai ông đều khâm phục, nhún mình khen ngợi và than rằng : “Thuốc không kể gì quý tiện, dùng đúng thì hay, những vị thuốc nóng nhiều, lạnh nhiều cũng đều có ích cho người ta cả”, rồi bảo người cháu sắm sanh lễ vật ra lạy tạ tôi và nói : “Ơn tái sinh này trọn đời không quên được”.

2. Chứng đau đầu do âm hư.

Nhân lúc nhân hạ, tôi cùng ông bạn rủ nhau sang phía Tây chơi núi Lương Sơn, vào ngủ trọ trong trại một cụ lang họ Đỗ. Vừa lúc đó có một thiếu phụ của một gia đình nhà quan trong làng, đến kể bệnh xin thuốc. Cụ lang nói : “Năm trước tôi đã hết sức tìm phương pháp chữa cho cô mà cũng chưa khỏi. Từ bấy đến nay tôi tưởng cô đã tìm được thầy giỏi chữa cho khỏi rồi, nào ngờ đến nay vẫn chưa bớt được chút nào ư?”. Thiếu phụ nói : “Từ khi nghỉ uống thuốc của cụ, tôi tới Kinh đô tìm thầy chạy chữa, qua 7-8 năm nay

bệnh khi bớt khi tăng vẫn chưa khỏi được. Nhớ lại khi uống thuốc của cụ tuy bệnh không khỏi nhưng ăn uống được, khí lực khá hơn. Lần này tôi lại xin cụ chữa cho nữa, nếu mệnh tôi chưa hết, may được cứu sống thì công ơn ấy kết cỏ ngậm vành không bao giờ tôi quên được". Lúc đó cụ lang ngân ngừ có ý từ chối. Tôi thấy thiếu phụ thân thể béo tốt chắc rằng ở ngoài béo tốt mà bên trong hao tổn, sắc mặt đỏ hồng, đúng là âm hư tổn ở dưới, dương phù viết lên trên, cụ lang này luận bệnh tuy cũng có lý nhưng chưa sâu sắc. Tôi nói: "Tôi vốn nhà Nho, hơi biết y lý, nhân khi chơi thăm cảnh núi vào nghỉ nhờ cụ đây may được thừa nhận, chưa được cùng cụ đàm luận rất là áy náy, không biết căn nguyên bệnh thế nào mà chạy chữa bấy nay chưa khỏi?". Thiếu phụ thấy tôi biết thuốc, mừng rỡ nói: "Ai hay trời cũng chiều người, nay gặp được bậc cao nhân thực may cho tôi. Nguyên tôi lấy chồng từ năm 18 tuổi sinh được một cháu, đến 25 tuổi thì chồng chết. Năm 26 tuổi mắc bệnh, tới nay đã tám năm rồi. Chứng bệnh của tôi cứ mỗi khi mưa dầm, nắng nôi ẩm thấp thì mất mớ, tai ù, đầu đau nhức như búa bổ, không thể đứng ngồi, chỉ dùng nước lá đắp ướt ngoài da mới đỡ một chút, đến tối bệnh lại bớt. Từ khi tôi ra kinh đô chữa bệnh mãi, cuối cùng gặp một cụ lang bảo là bệnh đờm thấp, cho uống thuốc thang hơn hai tháng đến nay bệnh lại tăng lên, lồng ngực thường bốc nóng như lửa đốt. Khi nóng thì sinh

nôn nao muốn thổ không thổ được, nước dãi trong miệng ứa ra nhỏ đi không kịp, khi đó mình mảy rã rời, mặt như lửa đốt, chân răng lung lay. Mỗi khi lao động thì bệnh lại nặng hơn, tiểu tiện đi luôn, đại tiện táo bón, đã năm năm nay kinh nguyệt tắt hẳn”. Nhân đó nhờ tôi chẩn trị. Tôi xem thấy sáu bộ mạch Phủ đại lộn xộn, bộ Xích bên trái rất nhỏ, bộ Xích bên phải Huyền cấp, bộ Thốn bên phải là Huyền cấp hơn, tôi biết rõ là thuỷ suy, không chế được hoả, thiếu hoả ⁽¹⁾ biến ra tráng hoả ⁽²⁾, hoả khắc kim mà thành ra khí uất, khí càng uất thì hoả càng thịnh. Vả bệnh nhân là người ở góa đã lâu, mối tình u uất không nói cũng biết. Phàm chứng tai ù, mắt mờ răng long đều rõ ràng là chứng thận hư, lồng ngực hấp nóng là hoả uất ở trung tiêu, nung nấu vị khẩu, cho nên miệng đầy nước dãi. Vị hư tý cũng phải hư. Nội kinh nói : “Tỳ hư không giữ được nước dãi” là thế; đầu nhức như búa bổ là do chân âm thuỷ cạn không sinh huyết được một mình hoả đốt. Tà ở phần âm về đêm thì yếu là vì âm lại nhờ được âm giúp. Đó là âm hư thuỷ suy, huyết khô đến cực độ. Tôi bảo cụ lang rằng : “Theo ý của tôi thì bệnh này tất cả đều do âm hư khí uất, chẳng hay ý cụ thế nào?”. Cụ lang xem lại mạch chứng rồi cười mà nói : “Cao kiến của ngài thực hợp với tôi, trước đây những thang tễ tôi dùng, chỉ lấy thang Tứ vật Tri Bá

(1) Thiếu hoả : sức nóng bình thường nuôi cơ thể (cần thiết).

(2) Tráng hoả : sức nóng quá bình thường làm hại cơ thể.

bơ xuyên khung, đương qui, kèm một vài vị phong được như tể tân, thảo bản, mạn kinh tử chẳng hạn, thuốc viên thì dùng bài Qui tỳ uống với thang trên; ngoài ra không có cách nào nữa mà thuốc không ứng với bệnh hay là sức thuốc chưa tới chăng?”. Tôi nghĩ thầm rằng : ông này chỉ biết chữa ngọn chớ không biết được gốc bệnh, nếu tôi theo cách chữa từ gốc làm lối vương đạo thì công hiệu chậm, liền quyết định chế một phương làm lối chặn ngang, để cho bệnh nặng mười năm có công hiệu ngay trong một buổi mới áp đảo được họ, rồi tôi nói : “Kẻ ngu này trót đại nói khoác, nhưng đánh trống qua cửa nhà sấm thực đáng hổ thẹn”. Cụ lang nói : “Lòng thương giúp đỡ người, đó là chỗ tốt của nhà làm thuốc, cần chi phải e lệ quá khiêm tốn, xin cứ ra tay cứu chữa, ngài đi chơi núi tất không mang thuốc, cần dùng nhiều ít đã có tủ thuốc của tôi đây. Ngài cứu người được phúc, tôi cũng được ơn, đều là hay cả, xin chế phương ngay cho”. Tôi thấy cụ lang có lòng tốt, cũng không nghi kỵ gì, liền lấy 8 lạng thực địa, 6 lạng đương qui, 3 lạng xuyên khung (tẩm đồng tiện sao 2 lần), 2 lạng ngư tể (để sống), 1 lạng ngũ vị (nghiên nhỏ) làm một tể to, dặn thiếu phụ lao động nhử cho bệnh lên, hễ thấy hơi nóng lên thì mau đem thuốc này đổ 10 bát nước sắc lấy 5 bát chia ra uống dần, rồi lên giường nằm nghỉ. Trong một ngày đêm uống hết nước đầu và nước thứ hai; mỗi lần uống thì lại ăn cháo loãng để giúp vị khí. Người đó mang thuốc về làm theo đúng lời dặn. Vài

hôm sau thấy thiếu phụ đem lợn, gạo, rượu và 3 quan tiền lễ tạ ơn và nói : “Tôi uống theo như lời dặn, mỗi lần uống mồ hôi ra suốt người, riêng trên đầu thì mồ hôi ra như dội, uống vài lần thì đầu bốc nóng như lửa đốt, vài lần sau thì đầu mát, mồ hôi khỏi, lồng ngực khoan khoái, tinh thần mạnh dần. Hồi tưởng tám năm đầu khổ mà một buổi bệnh đi đâu mất ! Không may gặp người quá muộn, nghèo vì bị bệnh, bệnh lại nghèo thêm, con cô mẹ goá, sức không theo lòng, gọi là lễ mọn lòng thành xin ngài thương tình cứu vớt”.

Cụ lang, lúc đầu thấy tôi chế phương, vị thuốc ít, phân lượng nhiều, tá sử sai lệch, tuy không nói ra nhưng cũng tủm tỉm cười thầm. Đến nay thấy thuốc đúng bệnh, hiệu nghiệm vô cùng, rất là kinh ngạc, liền hỏi tôi rằng: “Nhà tôi làm thuốc đã mấy đời, sách vở cũng nhiều, chưa thấy có phương pháp nào như thế, chẳng hay người được phương thuốc lạ lòng này ở đâu”. Tôi đáp : “Thầy thuốc không câu nệ phương, cứ chế phương cho vừa ý thầy thuốc, vì phương chẳng qua là phỏng theo bệnh mà lập ra, cũng như thế cờ, vì tôi thấy thiếu phụ chân âm cạn hết hư hoá bốc lên cho nên dùng thực địa làm quân để bổ thủy, đương qui làm thần để hành khí ở tỳ, bổ huyết ở can. xuyên khung làm tá để khai âm uất, sao với đông tiện để giáng hư hoá, ngưu tất làm sứ để dẫn hoá đi xuống, lại cùng với ngũ vị để thu gọn nguyên khí. Nội kinh

nói : "Hoả tức là khí, khí đi xuống thì hoả cũng đi xuống", cho nên nói giáng hoả trước phải nén khí, đó là phỏng theo bệnh mà lập phương, đâu có thể dùng phương sẵn của đời trước mà hợp với bệnh đời nay được. Cụ lang khen rằng : "Sự tinh vi huyền diệu của ngài mấy ai kịp được !". Tôi nói : "Phương này là để chặn cái quá mạnh đó thôi, không phải là thứ thuốc dùng mãi được. Tôi nay chân mỏi già nui ra về, đã nghĩ để lại hai phương làm thang và hoàn, nhờ cụ tinh chế cho thiếu phụ uống để trọn tấm lòng cứu người của chúng ta. Còn lễ vật dâng tạ đó xin cụ nhận để chi dùng vào tiền thuốc. Tôi lại đây khói mây nửa gánh, thơ đầy túi, rượu đầy bầu không đến nỗi thiếu thốn gì. Việc này là nhờ lộc của cụ, tôi được chén say là đủ, còn tham vọng gì !". Nhưng cụ lang cố từ không nhận, bắt buộc tôi phải nhận ít nhiều rồi ra về.

Thuốc thang : Bài Dương vinh bổ Trần bì, bội Ngũ vị, sinh địa thay thực địa. Thuốc hoàn : Bài Lục vị gia Qui, Thược, Nhục quế, Ngũ vị. Đại để làm thuốc cần phải thông biến, thuốc không cứ bài cũ, cho nên có câu : "Đáng phạm mà phạm thì cũng như không phạm".

3. Người có thai bị chứng hoắc loạn.

Khi tôi làm việc ở Vĩnh dinh, có viên tỳ tướng là Bàn Tố Bá, vợ ông ta có thai được tám tháng, vì ăn của bẻ nên tối đau bụng dữ dội, chân tay giá lạnh, trong bụng nóng như lửa đốt, thường thường há miệng

muốn mưa nhưng không mưa được. Thai xốc lên ngực, dưới rốn bụng thóp lại như đói, quanh thắt lưng như thắt chặt, đau như dao cắt, đùi đằm, đứng ngồi phải dựa vào người khác. Người chồng chạy đến mời tôi. Tôi vội vàng tới thăm thì thấy lưỡi đã rứt, môi đã thâm, mắt không nhắm kín, miệng nói lảm nhảm. Tôi xem 6 bộ mạch Trâm vị; chỉ mừng là mạch Thái khê có thần, mạch Xung dương có lực. Tôi nghĩ rằng đau thì không thông, vì đường Kinh mạch ngấm bế tắc, âm dương ngăn lấp cho nên sáu mạch Trâm phục, chân tay giá lạnh tức là nhiệt sâu thì quyết cũng sâu; há miệng muốn mưa mà không mưa là do hoả xông ngược lên; thức ăn uất tích ở trung tiêu cho nên thai khí xông lên mà tức ngực; khí trệ thì quanh thắt lưng đau. Vả lại của bề tính vị trâm hàn công bức khí dương lên trên, tất trên nóng mà dưới lạnh. Lúc này nếu dùng những phương thông thường như Lý trung hay Sâm phụ thì khí nóng ở trên ngăn cản, uống vào sao được. Hơn nữa thực tích hầy còn thì ôn bổ chưa nên dùng. Nay phải công hạ ngay mới có thể bảo toàn được. Kỳ Bá có nói : “Có cơ thì không hại”, chính là nghĩa đó. Tôi suy nghĩ kỹ mới quyết dùng phép hạ. Người chồng rơm rớm nước mắt nói : “Việc đã nguy cấp khó lòng cứu được cả hai, xin bỏ con để cứu lấy mẹ”. Tôi nói : “Không thể thế được, thai chưa tới kỳ sao lại thoát ra được, nếu bức thai ra

thì năm tạng tàn hại, tất hồng cả đôi”. Tôi liền bốc cho thang Điều vị thừa khí, đun sôi vài dạo, lại đem vị đại hoàng tẩm rượu nướng chín (để trừ nhiệt ở thượng tiêu), mài hoà vào cho uống. Thuốc vừa xuống khỏi cổ, bụng đã sôi réo, tôi thấy sức thuốc chưa tới liền giục đổ cho chén nữa, một lát trong bụng sôi ục một tiếng rồi ỉa vọt ra toàn nước vàng và thức ăn tích lại từ trước, dầm dề giường chiếu. Tôi bảo người thăm thai thì quả nhiên đã trở về chỗ cũ. Bệnh nhân kêu to lên rằng : “Bây giờ tôi mới biết là sống, khỏi đau rồi và bụng đã dễ chịu”. Tôi liền bốc cho thang Phụ tử lý trung sắc cho uống nước đầu, rồi lại dùng đại tể sâm, truật, phục linh, sa nhân, chích thảo cho uống. Tiếp đó vài ngày các chứng khỏi hết, tinh thần tăng hơn. Người chồng lay tạ nói rằng : “Vợ con tôi được sống lại là nhờ ơn ngài !”.

Nhưng bệnh án này của tôi là bất đắc dĩ phải tòng quyền lấy ngọn làm gốc, lấy công làm bổ. Mục đích là đuổi tà để giúp chính, cũng gọi là “cẩn thận khi suy nghĩ, quả quyết khi hành động”. Lúc đầu cho là vì thực tích mà gây ra bụng đầy, thai vượt lên, thì lại cho thực tích là gốc, bệnh thai nguyên là ngọn, phải tiêu tích để giữ thai nguyên. Đó cũng là mượn phép công làm bổ. Kế đó cho uống bài Lý trung, một mặt để trừ chất hàn độc của cua bể, một mặt để làm ấm trung châu sau khi đã vong dương mà lại giải được tính tẩy rửa của đại hoàng.

Cuối cùng dùng thuốc để ôn dương tỳ vị, điều dưỡng thai nguyên mà được công hiệu. Xin chép lại để biết là trong trăm ngàn bệnh mới có một vài bệnh thế này, đâu phải là qui luật thường dùng.

4. Ngoại cảm ghé nội thương.

Quan thú đồn Vĩnh Dinh của cậu tôi, có bà mẹ ngoài 70 tuổi, bị cảm mạo hơn một tháng, vì ăn bánh sinh ra đầy chướng. Lúc đó trong các ông điều hộ thuốc thang của quân dinh, duy chỉ có họ Lâm người Hoa kiều được đại quan rất tín nhiệm, ngoài ra còn một vài người hiểu thuốc làm việc ở đó, thay đổi điều trị đã hàng tuần mà chưa bớt được chút nào. Đến nay thế bệnh càng nặng, biến chứng lung tung. Họ Lâm quên ăn mất ngủ không biết làm thế nào. Một mặt đã sắm sửa đồ hậu sự, đại quan mới bảo tôi xem mạch để chữa, đó chẳng qua là một cách cầu may thôi. Khi tôi vào chẩn trị thì thấy phu nhân tinh thần rối loạn, đỉnh đầu nóng như lửa bốc, khắp trán mồ hôi đọng giọt. ở ngực có một đám nóng như lửa đốt, vật vã không yên, đầy chướng sườn ngược nhất tề nổi lên. Tỳ thiếp hầu hạ hai bên đều khóc sùi sụt. Tôi xem mạch thấy hai bộ Thốn Phù Sác vô lực, hai bộ Xích Trầm Vi muốn hết. Tôi biết là cô dương không nơi nương tựa, trên giả nhiệt mà dưới chân hàn. Chân âm hết mà Lôi hỏa bốc lên, nếu chỉ lấy tích trệ hữu hình mà chữa thì dương khí còn chút ít sẽ theo Tráng

hoả mà đi hết là thôi. Nếu không mau tuấn bổ thận thuỷ để đưa khí về chỗ cũ, dương hoả ở trong thuỷ để cho nguyên khí lại sinh ra từ chỗ sắp hết thì không cứu vãn kịp. Đại quan giục tôi lập phương, tôi nghĩ lấy đại tể Bát vị hoàn làm thang giảm đơn bì, trạch tả, gia mạch môn, ngũ vị, ngưư tất, pha nước nhân sâm vào cho uống. Họ Lâm thấy vậy lắc đầu nói: “Nhất thiết không nên. Bởi vì xưa nay phu nhân bẩm thụ thiên về âm, không ưa thực địa, nếu uống vào thì đây chướng ngay”. Tôi hỏi: “Tiên sinh muốn chủ về phương nào?”. Họ Lâm đáp: “Cấp thì phải chữa ngọn trước, nên uống bài Trung mẫn phân tiêu”. Tôi nói: “Chút khí mỏng manh cần phải giữ vững lại còn sợ không kịp, làm sao lại còn tiêu khí đi. Tôi lập phương này là chữa mệnh chứ không chữa bệnh”. Họ Lâm lại nói: “Không dùng bài ấy thì uống bài Hương sa lục quan thang”. Tôi đáp: “Nhân sâm cùng dùng với trần bì thì lại giúp cho việc tiết mất nguyên khí. Phàm những phương thuốc chữa bệnh nguy cấp người xưa không dám để hai vị này đồng đội với nhau. Vả lại, bán hạ tính hoạt, sa nhân cay thơm cũng không phải là thuốc cố bản”. Lúc đó bản quan thấy hai bên tranh luận, liền hỏi thì họ Lâm trả lời: “Tôi từ trước đến nay vẫn điều thuốc cho phu nhân chứ không phải là mới, nếu uống thực địa vào thì bị đây ngay”. Tôi nói: “Thấy chứng này thì lập phương này mới là thuốc đối chứng”. Đại quan lại hỏi tôi: “Phu nhân

vốn không ưa thực địa tính trệ ta vẫn biết rồi, đang bị đây như thế này mà lại cho uống chẳng là tai vạ mau hơn ư? Ông nên lựa phương khác, nếu không thế thì bớt đi một nửa". Tôi nói "Bà Bát vị dùng thực địa làm quân là trọng ở chân âm, bổ thủy để phối hỏa, tư âm để dưỡng dương, để cho thận thủy đầy đủ mà tinh huyết vượng, tráng hỏa về chỗ cũ lại thành thiếu hỏa. Nay bệnh đương thủy suy hỏa bốc nếu giảm thực địa đi thì quân chủ yếu lấy chi mà điều khiển được các vị khác. Như thế thì chỉ có tiếng là Bát vị mà không có thực chất Bát vị". Thế nhưng đại quan vẫn ngần ngừ rồi bị họ Lâm ngăn cản. Vả lại người bên cạnh cũng cười là bệnh nhiệt mà dùng thuốc nhiệt. Đại quan không quá quyết được. Tôi biết không làm sao được nữa liền rút lui.

Khi ra đến cổng dinh, gặp quan Tả bích (cháu họ đại quan, cũng có biết thuốc), tôi nói với ông ta: "Bệnh phu nhân nguy cấp, chỉ vì họ Lâm ngăn cản, tôi đã hai ba lần phân tách mà đại quan không nghe. Họ Lâm tuy học rộng nhưng không nắm vững chủ yếu, ứng dụng ở lúc bình thường thì được, chớ ứng dụng vào lúc nguy cấp thì không đủ tài tháo vát". Quan Tả bích bảo tôi rằng: "Mời ông trở lại để tôi sẽ hết sức phân tách họa may xong được việc". Tôi ngầm nghĩ: Lâm thầy thuốc là cốt để cứu sống người ta, mắt đã trông thấy cái lầm, nếu e dè không nói cho khẩn thiết ắt mình phải chịu

cái lỗi ngấm đó. Tôi đành trở lại. Đại quan lại hỏi, tôi lại trả lời như cũ, không một ý thay đổi. Vả tiếng nói và sắc mặt nghiêm nghị hơn. Quan Tả bích cũng hết sức khuyên bảo, đại quan mới miễn cưỡng nghe theo. Được lệnh, tôi liền bốc ngay phương thuốc trước, tự mình trông coi việc sắc thuốc. Cho uống một thang thì quả nhiên mồ hôi dứt, vật vã yên, cơn nóng lui hết, tinh thần tỉnh táo, muốn ăn, nhưng còn hơi suyễn. Tôi nói : “Đó là khí chưa về được chỗ cũ, lại bốc bài Sinh mạch cho uống thay nước chè. Vài thang sau, ăn uống tiến dần. Chưa hơn một tuần các chứng khỏi hết, khí sắc hồi phục. Lúc đó đại quan rất lấy làm cảm ơn.

Từ đó, đại quan mới biết tôi có hiểu chút y lý. Và về sau, mỗi khi có việc, tuy vẫn dùng họ Lâm, nhưng việc can hệ thì lại tìm tôi.

Cách chữa ở y án này nếu là người không hiểu thì đều cho rằng cái tà ngoại cảm và cái tích nội thương kia thực thuộc hữu hình. Nội kinh có câu : “Người ta ngoài 40 tuổi trở lên thì âm khí đã suy kém một nửa”, huống nữa cụ già 70 tuổi chân âm chân dương của tiên thiên chẳng hư quá rồi ư ? Nội kinh nói: “Tà sở dĩ lẩn vào được là do chính khí hư rồi, nếu không chữa hư thì chữa cái gì ?”. Như vậy tà khí thực là do chính khí hư, cần phải chữa ngay từ gốc, gốc đã vững thì tà không chữa

cũng tự hết. Thật thế, chân âm dương là yếu lĩnh của các bệnh, là căn bản của sự sống.

5. Bổng nhiên ngã ra mà không phải kinh phong.

Ông Huấn Vũ là Phó đội Hãn tiền thuyền trong Hãn cơ của đồn Vĩnh Dinh, một hôm đang nhồi bùn trát nhà, bổng nhiên ngã ra, chân tay cứng đờ, mình ngay như khúc gỗ, nóng như lửa đốt, tay không thể để gần được, đờm như kéo cưa, mắt nhắm lại, miệng cắn chặt hôn mê không biết gì, may còn được đại tiểu tiện bí, miệng không há, mắt không trông thẳng. Như thế đã hai ngày đêm, đã qua tay 4-5 thầy thuốc chữa, hoặc dùng nam tinh, bán hạ để trừ đờm; hoặc dùng long não, xạ hương để thông khiếu, thay nhau cho uống bữa bãi, thầy nào cũng cho là trúng phong. Dùng toàn thuốc phong cho là đúng chứng mà bệnh không bớt được chút nào. Thế hư thoát đến nơi, lúc này lại sinh ra chứng trực thị, miệng há hốc, đại tiểu tiện tự són ra, tay chân lạnh toát, mình cứng đờ, không trở tráo được, nguy cấp quá lắm; nhà đó mới đi mời thầy thuốc họ Lâm đến chẩn trị (họ Lâm là thầy thuốc điều hộ cho quan quân, rất được kính trọng), họ Lâm cũng nói là: “Sáu mạch Trầm tuyệt, chứng chết đã rõ, không còn lẽ nào sống được” rồi ra về. Vợ con nhà đó thấy họ Lâm nói quyết không thể nào sống được, kêu khóc xin cho về quê, trong đồn

đó đã cấp cho tiền ăn về đường. Nhân lúc tôi có việc đi qua gặp họ Lâm, tôi hỏi tiên sinh đi đâu, thì họ Lâm liền kể hết nguyên cớ đi xem bệnh. Nguyên ông Huân Vũ này vốn là người thuần cần, đối với tôi rất tốt. Tôi biết là bệnh Trúng, kéo họ Lâm trở lại hỏi thăm. Tôi thấy bệnh nhân mất tuy trực thị nhưng con ngươi còn chuyển động; tay chân tuy lạnh nhưng thân thể còn hơi ấm; bệnh nhân thấy tôi đến, nhìn tôi ứa nước mắt, tôi biết là người mê. Xem mạch Xung dương, mạch Thái khê vẫn hữu lực như thường. Tôi hỏi kỹ đầu đuôi biết là nhầm thuốc chớ không phải tự bệnh. Vả lại chứng Trúng phong đều bởi hư mà sinh ra, trong đó có cảm tà, có ghé tà khác nhau, nhưng chủ yếu là do âm dương đều hư, bản khí của năm tạng tự sinh ra bệnh, làm cho khí ở trong bị hao hụt mà phát ra lạnh toát, dù ngoài có chứng phong cũng chỉ là giả tượng đó thôi. Phàm chứng nội thương thì khí bốc ngược lên, khí có dư thì sinh hoả, hoả thịnh thì sinh phong, phong đi thì thủy động, thủy trào lên thành đờm. Cho nên tuy gọi là khí, là hoả, là đờm thực ra cũng cùng một gốc, rút cục không ngoài hai tạng Can và Thận. Vì can âm không đủ là do thận thủy bị suy hao, thủy là nguồn sinh ra huyết, huyết không vinh dưỡng được cân mà sinh ra cứng đờ, thủy không chế ước được hoả mà hoả bốc mạnh. Cho nên Đông viên chủ khí là nói về gốc; Hà gian chủ hoả, Đan khê chủ đờm là nói về ngọn. Người khéo

chữa bệnh trong lúc nguy cấp chỉ nên lấy bổ dương làm chủ yếu; vì dương là đầu của sự giữ gìn sinh mạng. Khi thể nguy đã yên, lại nên lấy sự bồi bổ tinh huyết của chân âm làm cơ sở trừ bệnh. Huống nữa phong là từ hoả mà sinh ra, hoả từ chân âm kém mà sinh ra. Một khi có đủ âm huyết thì phong với hoả tự nhiên dập tắt. Tại sao các thầy thuốc trước không xét rõ về lẽ đó, dùng nhiều thuốc phong quá thì huyết càng hao đi; cho uống nạo, xạ thì khí càng bốc đi, cho nên lúc đầu nhầm mất căn rằng, vì dùng thuốc táo quá mà huyết khô. Can huyết nguy cấp mà há mồm đờ mắt; lúc đầu đại tiện bí mình nóng vì dùng thuốc mát nhiều quá thì hoả uất mà chân tay lạnh. Vị bại mà ỉa chảy. Lúc đầu tiểu tiện bí vì khí hao đi cho nên phế mất chức năng tiết chế mà són đái. Tuy ác chứng đủ cả nhưng thật là cơ bản tiên thiên của sự sống; tỳ vị là bộ máy sinh hoá của hậu thiên. Mạch Xung dương và Thái khê hấy còn, rõ ràng còn hi vọng sống. Tôi bảo vợ con nhà đó : “Bệnh này tuy khó khăn thực nhưng tôi hết sức tất cứu vãn được, và lại cụ thân sinh ông này với tôi có thâm tình với nhau, tôi không nỡ bỏ”. Vợ con nhà đó đều van lạy xin cứu chữa. Họ Lâm ở cạnh cười rằng : “Ông mà chưa được bệnh nhân này thì thực là thân y, tôi xin theo hầu ông, không làm nghề thuốc nữa”. Lúc này tôi thấy họ Lâm chọc tức, tuy lòng muốn cứu sống người 10 phần, mà lòng căm giận người cũng

10 phân, liền nói : “Tôi không chữa khỏi được bệnh này thì cũng không dám làm thuốc nữa”. Nói xong, mỗi người đi một ngã. Tôi liền bốc cho đại tể Sâm phụ thang cho uống, hết hai thang, từ trước giờ Ngọ đến sau giờ Mùi, chân tay nóng lại như trước, mắt đã nhắm được lim dim, lưỡi đã thè ra rứt vào được, duy ở rốn còn nóng như lửa, tôi mừng nói “Chân dương đã hồi phục rồi không lo gì nữa”. Liền bốc đại tể Bát vị thang gia ngư tất, đồ trọng, ngũ vị uống luôn ba thang thì quả nhiên thấy mắt mở nhắm được, miệng nhai nuốt được, trở mình được, bụng biết đói, da biết đau ngứa, đại tiểu tiện dần dần điều hoà, nhưng chân tay chưa co duỗi được, nói năng còn ứ ớ. Tôi lại bốc bài Bát vị bổ phụ tử, nghĩa là thiên về tinh huyết chân âm, gia ngư tất, đồ trọng, đương qui, bạch thược, lộc nhung chế làm viên, cho uống với nước gừng loãng uống xen với thang Qui tỳ bổ mộc hương gia quế tâm. Điều bổ như thế hơn một tháng thì các chứng khỏi hết, đi lại bình thường, khí lực và tinh thần lại khoẻ hơn trước.

Đó là tôi có cái công cứu sống, mà nhà kia thì có lòng mến đức nhớ ơn, không cần nói nữa. Riêng họ Lâm vì chộc tức quá lời nên sau đó mỗi lần gặp tôi thì có hơi bẽn lẽn, tôi cũng nể không nhắc lại nữa. Càng thấy câu “chữa bệnh tất phải tìm gốc, chữa ngàn người không hao một người” thực đúng

không sai. Người không tinh hể thấy đột nhiên ngã ra thì cho là phong, ví như một cây gốc rễ vững vàng, dù rằng gió táp mưa sa cũng không xiêu đổ được, mà đã phải xiêu đổ đều là do gốc rễ không vững chắc cả.

6. Chứng uất.

Một bà tên là Đinh, ở thôn Bàu Thượng, xã Tình Diệm, chồng chết chưa hết tang, đau thương khôn xiết. Thường ngày phải làm lụng ngoài đồng, dầm bùn dãi nắng. Khi mới cảm bệnh chỉ thấy sợ rét, sờn gai ốc, đầu choáng váng, mắt tối xầm mà thôi. Một lát lại tỉnh. Đến tối nhọc mõi mõi, nằm yên một lúc thì phát ra chứng suốt người ra mồ hôi lạnh toát, rồi lại như trước. Đến quá trưa hôm sau phát một chứng quái lạ : mắt chớp luôn, miệng nhai luôn như có vật gì, họng nuốt luôn như bị vướng trong cổ không nuốt xuống được; mặt đỏ gay, đờm dãi vướng ở cổ khô khè, chân tay quờ quạng như múa may, tự ra mồ hôi mưa như dội. Một lát lại tỉnh táo như thường, chỉ còn hơi mõi mõi thôi. Đến tối lại phát như chứng trước, sang đến giờ Mùi giờ Thân ngày hôm sau, bệnh đó lại phát, nhưng lúc này lại kèm thêm chứng mưa khan. May mà bệnh nhân chưa mời ai chữa, vì nơi ấy là nơi hang cùng ngõ hẻm, người biết thuốc thì ít, người mạo danh làm thuốc thì nhiều. Những người không hiểu thấy chứng quờ quạng chân tay ai không bảo là phong; thấy nguyên nhân dãi nắng dầm bùn, ai chẳng cho là trúng thử, trúng thấp. Bệnh nhân mời tôi chẩn

trị, khi tôi xem mạch thì bộ Xích bên trái vô lực, hai bộ Quan Hồng sắc, tôi biết ngay là thận kém, can mộc vượng lấn át tỳ thổ, cho nên chân tay quờ quạng, đó là tượng trưng phong hoả. Nhai luôn, nuốt luôn là bệnh ở tỳ, Nội kinh nói : “Bệnh tỳ sinh ra nuốt luôn”. Mất chợp luôn đó là can thận đều kém, Nội kinh nói: “Bệnh ở thận và bệnh ở can là mất chợp”. Nội kinh còn nói : “Thận thuỷ suy thì can âm táo cấp mà thành chứng mất chợp luôn”. Mửa khan là vì hư hoả bốc lên; mặt đỏ là vì âm hư ở dưới bức dương khí ở trên, đó gọi là chứng “đới xương”. Mồ hôi như dãi là âm không giữ được dương, vệ khí hư mà ra mồ hôi, vả lại mồ hôi là nước dịch của tâm, cũng là một dạng huyết, vì thận thuỷ kém không chế được hoả, cho nên tương hoả và quân hoả bức bách tâm dịch, đốt tâm huyết mà mồ hôi trút ra.

Chứng đờm tắc, tuy nói : “Tỳ là nơi sinh đờm, phế là nơi chứa đờm” nhưng đờm ở tỳ thì đặc mà vàng, đờm ở phế thì loãng mà trong, đó là do thận thuỷ thiếu, thuỷ không sinh ra huyết, thuỷ trào lên thành đờm; phần khí dư tức là hoả, hoả bốc lên thì đờm lên. Phàm chứng phát nóng toàn ở phần âm thì âm hư đã rõ, nhưng đó đều là hiện tượng ở ngoài. Còn xét đến gốc bệnh thì gái tơ mới bị goá có thể xét mà biết được cái tính buồn rầu u uất quá độ. Nội kinh nói : “Lo nghĩ thì hại tỳ, buồn thương thì hại phế”. Vả lại uất thì kinh lạc không thông, âm dương bế tắc, nên coi năm

tạng là cần mà chiếu cố đến hư là gốc. Tuy dài nắng
dầm bùn thì cái tà thủ thấp cũng vì chính khí hư nhân
chỗ sơ hở mà lọt vào. Sau khi suy nghĩ kỹ, tôi liền cho
uống Nhị trần thang vào buổi sáng rồi bảo móc cổ
cho mưa ra được hơn một chén đờm, buổi chiều cho
uống đại tể Lục vị thang gia mạch môn, ngũ vị, ngư
tất, đồ trọng uống đến canh hai thì hết cả 3 nước,
đêm đó ngủ yên không động dậy gì. Ngày mai lại
theo thang trước cho uống tiếp một lần như thế nữa.
Đến hôm sau chế đại tể Qui tỳ gia mẫu đơn, sơn chi,
cho uống để điều bổ thì các chứng khỏi hết, tinh
thần tăng thêm.

Bệnh này lúc đầu tôi cho uống Nhị trần thang và
móc cổ cho mưa ra là cốt để khai uất, vì Nội kinh nói:
“Hoả uất thì phải cho phát ra, Mộc uất thì phải làm
cho điều đạt”. Vả lại, trong phép Thô cũng có ý phát
tán, nếu ghé có tà cũng không lưu lại được. Tiếp cho
uống bài Lục vị bổ mạnh chân âm, đó là bổ thủy để
phối với hoả, cho nên chủ trương làm mạnh chân thủy
để dẹp bớt dương quang⁽¹⁾. Hơn nữa, can thận cũng
chứa như nhau, bổ thận tức là bổ can. Sau dùng thang
Qui tỳ là muốn bổ âm huyết ở tâm, can, tỳ của hậu
thiên, gia mẫu đơn bì để thanh lõi hoả ở can, sơn chi
để tả uất hoả ở Dương minh vị. Vả thang Qui tỳ lại là
bổ thổ gián tiếp, làm cho túc Quyết âm (can) sinh thủ

(1) Dương quang : khí nóng của hỏa.

Thiếu âm (tâm), thủ Thiếu âm sinh túc Dương minh (vị). Đó là tôi theo ý nghĩa của câu : “Thấy đờm đừng chữa đờm, thấy phong chớ chữa phong” của người xưa. Cho nên không uống một giọt thuốc phong, đờm, thấp nào cả mà phong đờm thấp đều biến đi đâu mất hết. Mới hay rằng “hư là nguyên do của trăm bệnh” mà chữa hư chính chủ yếu là chữa khỏi bệnh. Người hiểu ra thì nên lấy ngoại tà làm ngọn, chính khí làm gốc, chữa ngàn người không sai.

7. Chứng âm hư thuần nóng.

Anh Hữu người ở xóm tôi dọn nhà đi ở nơi xa, mắc bệnh đã hơn một tháng, cầu cúng chạy chữa đủ cả. Một hôm thấy người anh đến xin vị tê giác, nói là thầy thuốc không có vị đó. Nhân nói chuyện em ông ta ốm đã hơn một tháng, chỉ có một chứng nóng mà chữa mãi chưa bớt. Hiện nay một thầy thuốc chữa đã hơn mười ngày, mỗi thang dùng đến 2-3 đồng cân hoàng liên nóng mới hơi bớt, nhưng ngày càng mệt mỏi. Đã năm sáu ngày nay không ăn được một hớp cháo nào, chỉ đổ tí nước hồ để cầm hơi, cái cơ nguy khôn tất khó tránh được. Tôi nghe nói tiếng “nóng” cho uống hoàng liên có bớt mà người mệt mỏi, đã ngâm hiểu rồi. Nguyên lai, em của người này chân âm vốn hư quá, mới 50 tuổi mà răng rụng mất một nửa, ngày thường có đau ốm thì lại đến tôi xin thuốc. Tuy có khi bị ngoại cảm nặng, tôi cũng cho phát tán nhẹ mà càng để ý chữa chân âm, đều mau khỏi cả. Hiện

nay cái nóng của y chỉ là giả nhiệt đó thôi. Thầy thuốc không biết cách “từ âm để dẫn dương” lại dùng thuốc hàn lương để đánh thẳng vào hỏa, thì cái hại “làm hư bệnh đã hư” càng nặng, càng chóng. Nội kinh nói: “Dương hỏa chữa bằng cách chữa chính (chính trị) âm hỏa chữa bằng cách chữa tông (tông trị). Trọng Cảnh cũng nói: “Tráng hỏa có thể dùng thủy để dập tắt, dùng thấp để làm cho nép đi, còn như long hỏa ⁽¹⁾ thì gặp thủy càng cháy, gặp thấp càng bốc, chỉ có biết thuận theo tính của nó mà điều dắt về thì yên”. Cho nên nói “hỏa được yên vị của nó thì muôn tượng đều yên hoà”, vì “thuốc cam ôn có thể trừ được đại nhiệt” chính là nghĩa đó. Tôi bảo người anh của bệnh nhân “em ông là người quen thuộc, thấy tai hại không nỡ không báo cho biết. Nguyên thể chất của y tôi đã biết rõ, vì y ở xa tôi, đến nội các thầy làm cho nguy khốn. Nếu nay tôi lại cho tề giác khác nào như thêm sương lên trên tuyết, ném đá xuống dưới giếng, đưa cho con dao nhọn để giết người”. Đã hai ba lần tôi giải thích như vậy, nhưng người anh của bệnh nhân thấy nóng bức còn ngờ là thầy đó chưa được, cứ cố nài xin cho được tề giác. Bất đắc dĩ tôi phải cho và bảo rằng: “Uống cái này chỉ một thang thì ắt mê man, nói nhảm, sẽ sinh ra các chứng nguy hiểm,

(1) Long hoá : Thận hoá.

ông nên nhớ. Không phải là tôi không báo trước”.

Quả nhiên đến ngày hôm sau, thấy người anh dầm mưa ướt đầm chạy đến, xúp lạy kêu van xin cứu : “Em tôi uống xong thang thuốc, từ nửa đêm đến giờ vật vã rất dữ, nói năng lẫn lộn, mê man không biết gì, đại tiểu tiện tự thoát ra, sinh mạng chỉ còn trong phút chốc thôi. Chúng tôi xin nhận lỗi không biết nghe lời nói phải, xin cù tha lỗi trước, mở rộng lòng nhân để anh em chúng tôi được nhờ ơn tái tạo của cụ”.

Tôi nói: “Làm thuốc là một thuật giúp người, ôm lòng từ ái luôn luôn nghĩ đến cứu người. Không vì sang hèn mà cách bậc, không vì thân sơ mà khác lòng, trong bụng ung dung nghĩ gì ân oán, tôi có lấy thế mà bận lòng đâu!”. Nói xong, tôi liền lặn lội tới thăm đã thấy bệnh nhân mê man nói nhảm, dậm chân giơ tay không nằm yên, môi miệng nứt hết, râu lưỡi trắng như thiếc, tay chân không nóng lắm, chỉ một đám ở giữa ngực nóng như lửa đốt. Tinh thần sợ sệt như sắp có người đến bắt, thường thường há miệng như muốn thở mà không thở, hơi thở ra nhiều mà hít vào thì ít. Khí đưa từ dưới rốn ngược lên, tựa như suyễn mà không phải là suyễn. Minh như củi khô không chút nhuần nhĩ. Tôi xem mạch quả thấy bộ Quan, bộ Thốn Phù Hồng, hai bộ Xích Vi Nhược; phần trên giả nhiệt mà phần dưới chân hàn không cần nói cũng rõ. Tôi liền dùng

bố chính sâm 5 đồng cân, thực địa 8 đồng cân, bạch truật 4 đồng cân, mạch môn 2 đồng cân, ngũ vị 1 đồng cân, ngư tấ 2 đồng cân, đại phụ tử 1 đồng cân, cao quí bản 2 đồng cân. Sắc kỹ cho uống ấm. Uống xong một chén thì chứng như mưa như tuyết đã thấy khỏi hẳn, duy chứng nóng và táo thì mới bớt được một nửa. Uống thang thứ hai khỏi hết các chứng. Chỉ còn rêu lưỡi vẫn còn như cũ. Tôi lại dùng đại tể Lục vị hoàn làm thang gia mạch môn, ngũ vị, ngư tấ hoà cao ban long cho uống vài thang ngoài dùng mật ong và nước bạc hà sôi, rêu lưỡi dóc hết, tinh thần tỉnh táo hơn. Lại chế bài Bát vị hoàn gia ngư tấ, ngũ vị, đồ trọng uống nửa thang xen với thang Bổ trung thăng ma, sài hồ chích rượu. Hơn một tháng sau, hai chân và mặt phù lên, tôi cho là nguồn hoá chưa bỏ được, âm ế chưa tan hết. Cứ theo thể chữa hơn hai tháng nữa, bệnh nhân khoẻ mạnh như trước.

Bệnh án này, tôi biết rõ người đó căn bản tuy hư, nhưng trước là người lao động, cho nên sau khi mắc bệnh, nào hãn nào thanh, nào hạ nào thấm, thay thầy đổi thuốc không biết bao lần, thế mà vẫn còn nuốt được. Cho nên tuy có đủ chứng nguy hiểm, không phải do bệnh sinh ra, mà do thuốc gây nên, nên mới mau khỏi như vậy.

Lúc đó, các thầy thuốc trước thấy nóng như thế, rêu lưỡi như thế mà tôi dám tự ý cho uống quế phụ, ai cũng muốn chờ xem biến chứng ra sao. Đến khi

thấy chữa đúng bệnh rấm rấp mới hối hận là trước đây dùng thuốc khổ hàn là nhầm.

8. Chứng đậu hiểm.

Một người dân chài tên là Thuộc, có con gái 13 tuổi. Mùa hè năm Kỷ Mão cháu mắc chứng đậu mùa. Lúc mới phát nóng vì ngoại cảm nặng, nhức đầu đau mình không có mồ hôi, sợ lạnh, sốt cao, mũi ngạt, tiếng nặng, ho, phiền khát mê man nói nhảm, đại tiện táo kết, tiểu tiện sền đỏ. Người đỏ đến mòi tôi chữa.

Lúc đầu tôi cũng không đề phòng là phát đậu, thấy đứa bé sức vóc đen gầy nên trong huyết được thêm vị biểu được để phát tán. Tuy ra mồ hôi mà nóng không lui. Lại dùng thanh giải để cho hơi lợi một chút, nóng cũng không bớt, liền dùng thuốc làm mạnh thủy để chế hoá. Dù chưa được bớt nhiều nhưng tinh thần đã hơi tỉnh, phiền khát khỏi dần. Hết thuốc, bệnh lại như cũ. Lúc đó đã nóng đến sáu ngày, tôi rất là ngờ, lại thân hành đến xem thì thấy tai, xương cụt, ngón tay giữa đều lạnh, mạch Trâm sắc. Vả lại, mạch chứng đậu từ lúc phát nóng đến khi mừng mủ cần phải phù đại, không nên trâm tế. Đây là vì huyết nóng độc thịnh quá, tôi dùng thang Thăng ma cát căn gia những vị lương huyết giải độc như tử thảo, hồng hoa, ngư bàng, xuyên khung để thanh nhiệt thác độc. Tuy thấy nóng mà không dám vội dùng thuốc hàn lương, sợ lạnh làm độc không ra được. Đến tối tôi lại đến xem, soi đèn thấy đậu mọc lờ mờ ở trong da, khắp mình

vân đỏ. Lúc đó lại kèm chứng trong bụng trướng đau, đánh rấm rất thối, biết là trong có phân tích lại và độc ủng tắc. Tôi lại dùng phương thuốc trước gia đại hoàng rửa rượu để hơi hạ một chút.

Sáng sớm hôm sau tôi lại tới xem thấy trên trán đứa bé có đám đỏ như son; hai gò má, dưới cằm có mụn đầy như trứng tằm; ở ngực, ở lưng hơi rõ quả đậu; ở tay chân, mụn mọc đầy chi chít như đầu kim. Đứa bé nhai nuốt thì trong cổ họng vương vương như có vật gì làm hơi đau. Mình nóng rất như lửa. Mặt đã hơi sưng. Tôi thấy ác chứng xuất hiện nhiều, ví đem sức người chữa được cũng vất vả hàng tuần. Vả lúc đó đương chính mùa hạ, tôi không chịu nổi nóng bức. Bệnh nhi lại là con nhà thuyền chài nghèo quá, ở trên một chiếc thuyền con, mùi thối, ván nát, mùi tanh thối nồng nặc không thể chịu được, gió đưa xông mũi, nôn nao buồn mửa. Tôi bảo bố bệnh nhi rằng: “Chứng đậu của cháu rất nguy hiểm, tôi không chữa được. Bác nên tìm thầy thuốc khác, hoạ may cứu được chăng?” Nói xong tôi về.

Đến tối thấy hai vợ chồng người đó mang lại cả trâu cau với năm quan tiền, sụp lạy mà nói: “Không may cháu bị chứng quá nặng, cảnh nhà nghèo ngặt không lấy gì mời thầy khác được, xin ông thương tình cứu cho cháu sống, rồi sau xin cho cháu làm tôi đòi để đền ơn sâu nghĩa nặng. Hôm nay bán được cái chài, sửa chút lễ mọn để tỏ lòng thành, không dám nói gì đến trả tiền thuốc!”. Tôi nói: “Không phải vì bác nghèo mà tôi không chữa,

chỉ vì sức tôi không chịu được nóng nực. Lễ vật này nên mang về để làm lễ mời thầy khác”.

Người đó thấy tôi dứt khoát từ chối không chữa, liền nói : “Từ trước đến nay, sống chết vẫn trông cậy ở tay ông. Nếu ông không hạ cố chữa cho, nhà quá túng thiếu thế này đâu dám mời thầy thuốc khác ! đành chịu đợi chết trên bãi cát thôi !”. Nói xong, vợ chồng ứa nước mắt vái chào rồi đi. Trước cảnh tượng đó tôi cảm động vô cùng. Nghĩ rằng : thầy thuốc đời nay chỉ là thầy thuốc của kẻ giàu sang, không phải thầy thuốc của kẻ nghèo hèn. Nếu thấy kẻ rách rưới đã không đếm xỉa thì khi nào họ còn chịu tốn thuốc cứu chữa để mong sự báo đáp vu vơ ? Vả lại, làm thuốc là nhân thuật, chỉ nghĩ sao cứu sống được người. Nếu ta mất chút thì giờ mà người được sống trọn đời thì tuy mất mà cũng là được. Huống nữa nhà kia đương tìm cái sống ở trong chỗ chết mà trông cậy ở thầy thuốc. Thầy thuốc lại có thái độ dễ làm khó bỏ thì làm thuốc để làm gì ? Tôi liền sai trẻ gọi người kia trở lại mà bảo : “Không phải tôi khinh bác nghèo mà không giúp đỡ, chỉ vì sức không chịu nổi khó nhọc. Trước bác còn có ăn, có mặc, tôi không chữa thì có thầy khác chữa. Nhưng nay bác nghèo ngặt quá tất họ không chữa cho đâu ! Cho nên tôi phải cố chữa, nhưng bệnh cháu mười phần, chết chắc tám phần. Nay tôi không tiếc thuốc men, không nề vất vả, may ra muôn phần có kéo lại được một, cũng là nhờ ân đức của nhà bác. Số tiền bác

cầm đến hây mang về để mua gạo củi". Nói xong tôi thấp đuốc tới xem thì thấy bệnh nhi bụng trướng hơn trước chối nắn không cho sờ tay vào. Tôi cho đó là hiện tượng nhiệt ủng tắc ở trong, trường vị táo bón, nếu không mau sơ thông cả biểu và tỳ, thì âm dương không sao thông đạt để đẩy độc tà ra. Tôi liền dùng bài Quế chi đại hoàng thang gia những vị thăng khí thác độc, cho uống. Uống xong ỉa được một chút thì trướng đau đều khỏi, liền bảo thôi, không dám dùng hết thang. Lại nghĩ: huyệt hầu là cửa ngõ của thủy cốc, là then khoá của toàn thân không thể để chậm được, liền dùng bài Sưu độc tiên gia những vị cam thảo, cát cánh, ngư bàng, huyền sâm, kinh giới. Quả nhiên uống hai thang thì chứng vương vương như vật rắn ở cổ khỏi hết, chỉ còn hơi đau. Bốn ngày sau nốt đậu mới mọc đều, những chỗ giữa trán, hai gò má đầy chỉ chút không hở chỗ nào, tình trạng giống như bưng đầu trùm gáy không nói cũng biết, chân tay lại đầy hơn, không phân rõ ranh giới, chỉ ở ngực và lưng hơi thưa, tuy có mọc lên thành mụn nhưng dầu phẳng sắc tía, may mà sờ tay vào còn chuyển sắc trắng. Tôi nghĩ, nếu không dự phòng thanh nhiệt giải độc, nhất là chú ý thác độc ra thì độc sẽ phục lại dẫn đến tắc hãm (đen lại), tử hãm (tía lại); liền dùng bài Hoàng liên giải độc thang xem lẫn với những vị xuyên khung, đương qui, liên kiều, cát cánh, sơn tra, huyền sâm, đơn bì, hồng hoa, xích thược, gạo nếp, hoàng cầm, thạch cao, tử thảo, búp măng, sâu dâu, xuyên sơn, linh dương tuy chứng

lựa dùng hàng ngày thay đổi cho uống. Đậu mọc dần lên, khí đã đẩy ở đầu mụn, huyết đã phụ ở chân mụn. Sắc tia dần đổi ra sắc đỏ nhạt, dưới ánh đèn lấp lánh coi có thần sắc. Nhưng vì huyết khô độc ủng tắc trường vị tảo bón, nên thang nào cũng dùng đại hoàng cho thông lợi một chút thì nóng bứt. Không cho uống như thế thì lại có trạng thái lìm lìm không biết gì. Đến ngày thứ bảy, thể nóng lui dần, độc đã hoá dần thành mủ. Đến ngày thứ tám, mủ đã hơi vàng, tôi mới dám cho uống thuốc bổ khí như Bảo nguyên thang gia vị lộc nhung để tuần bổ, thêm gạo nếp, gai bồ kết, sữa ngựa, gia ít nhục quế để thúc độc ra ngoài, lại chiếu cố đến phần huyết, dùng thuốc lương bổ để phòng gãi dập ra. Lúc này mùi đậu rất thối. Tôi mừng cho là khí độc đã ra hết. Đến ngày thứ mười bỗng dung rét run như chứng sốt rét, thổ hai lần lại đi tả. Đến trưa, đậu chuyển ra thể đảo áp trắng xám, tôi biết rằng đem khí huyết có chống với thể độc vô cùng, thể mà còn giữ được đưa đi được để cho tà không dùng dằng ở trong mà tụ ở mụn làm thành mủ, thì đến nay cái sức ấm áp đã hao hết rồi. Vả trong sách cho là khí hư mà vội vàng có thể giúp ta làm hại.

Bệnh này, sau khi thấy rõ mụn, tôi mới dùng thuốc thanh lương. Khi làm mủ thấy hơi hàn mới dám dùng ôn bổ. Bởi vì, nếu không thanh thì sinh ra hãm đen, hãm tím; nếu không bổ thì không thể sinh ra mủ được. Nay lại sinh ra rét run, đi tả, tục nói sau khi đậu “quay quả” thường hay ra chứng này. Nhưng đây không

phải thế. Vì bao nhiêu khí huyết đã dốc ra để tổng độc hết rồi. Năm tạng trống rỗng, bên trong không tự chủ được nên sinh ra như vậy.

Ví như chiến tranh luôn năm này qua năm khác tuy hoà bình lập lại mà kho tàng đã hết sạch, cho nên tôi nghĩ phải kịp bổ dùng những vị đinh hương, nhục quế, can khương, phụ tử để ôn bổ thì quả nhiên khỏi ngay; các nơi khô vảy, nhưng đến ngày thứ 16 riêng ở trên mặt không bong vảy, tôi cho rằng mặt là nơi các dương kinh tụ họp, khi đậu mọc độc lẫn ở bộ vị dương, lại có triệu chứng sắp sung thì rõ là dương khí kém đến khi đóng vảy lại riêng ở phần lương không chịu bong thì thực là dương khí kém quá rồi. Tôi chuyển dùng đại tể Bổ trung thang gia xuyên khung, giảm hoàng kỳ sắc đặc cho uống, đến ngày thứ 23 mới bong hết cả da, trông như cái mặt nạ rất ghê sợ.

Tôi chữa bệnh đậu này, ngày đêm không dám bỏ vắng, khi sinh ra “tặc đậu”, “đinh đậu” thì phải tự tay khâu ngay. Mỗi khi tới xem thì phải cởi hết quần áo để ở trên bờ, mình trần mà vào, lấy bông nút mũi, nín hơi như dân chài lặn ở trong nước, xem một mạch rồi ra ngay, khắp mình mồ hôi nhễ nhại. Về nhà lại phải xông tắm rồi mới ăn uống được. Không những thế, phàm gạo củi dầu đèn thiếu đâu giúp đó. Tính ra từ khi phát nóng đến

khi khỏi hẳn, trước sau một tháng 4 ngày, khoản chi phí về thuốc của tôi không hết 5 quan tiền mà làm cho người ta sống được, toàn thân không bị hư hỏng chỗ nào !

Vương Ưng Chân nói : “Nhà làm thuốc có công tạo hoá” thực đúng như thế này chăng ?

9. Chứng chân nhiệt giả hàn.

Ông cụ Đài ở cùng xóm với tôi, có bà vợ sáng sớm đói lòng, lại làm việc ngoài nắng, bỗng phát chứng nóng rét, tay chân lạnh toát, đi lý, bụng dưới đau quặn. Trên mình đắp mấy lần chăn bông dưới hơi than lửa, đương mùa nực mà rét không thể chịu được, chết đi sống lại, mạng chỉ còn giây phút mà thôi. Nhà đó vội lại nhờ tôi chữa. Tôi nghĩ mùa hè khí âm phục lại cảm phải lúc đương đói lòng, tà nhân lúc hư mà lọt vào, liền dùng bài Phụ tử lý trung thang cho uống. Một lát thấy người nhà đó đến nói : “Thuốc uống mới vào họng lại mửa vọt ra hết”, tôi ngờ là hàn tà ngăn cản, phải dùng lạnh để dẫn thuốc nóng mới uống vào được. Lại bảo về sắc nước thứ hai ngâm cho thật nguội rồi uống. Một lát sau người nhà bệnh nhân lại đến nói : “Lần uống này thuốc nuốt xuống được, tuy không thỏ nhưng lại đau bụng mà ỉa vọt ra, bệnh thế nguy cấp”. Tôi liền đến xem thấy bệnh nhân mặt tuy xanh mà mắt đỏ như lửa, phiền khát uống nước

nhiều, mạch Trâm sắc mà hữu lực, tôi mới biết là chứng “Hoả cực tự thủy”, nhưng chưa phải là người sáng suốt thì sao khỏi ngờ, tôi liền lấy nước lạnh cho uống thử, uống hết một chén nhỏ người bệnh nói là cảm thấy dễ chịu, lại đòi uống nữa. Tôi liền dùng Lục nhất tán hoà nước ấm ấm cho uống, các chứng rét, giá, tả đều bớt, riêng chứng đau bụng vẫn còn, tôi lại dùng Bạch hồ thang, thạch cao để sống tán bột, cho uống một thang đau bụng đi ỉa hai lần rồi khỏi. Từ đầu đến chân mồ hôi dầm dấp, suốt người nóng như lửa đốt, vứt áo đòi quạt. Trong bụng đau quặn cũng hết. Tôi cho uống tiếp thang Thanh thử ích khí là khoẻ.

Xét cách chữa này, lúc đầu nghe và hỏi thì nhầm là hàn, về sau xem sắc và mạch mới biết đích là nhiệt. Thực vậy, thà dùng cách chữa bất túc mà chữa hữu dư thì được, chứ dùng cách chữa hữu dư mà chữa bất túc thì không được. Vương Thái Bộc nói : “Chứng thực có vẻ gây yếu bổ nhầm thì thêm bệnh; chứng hư có vẻ thịnh lại tả thì chết oan”. Thử nghĩ bốn chữ “thêm bệnh” với “chết oan” thì bên nào nặng bên nào nhẹ đã rõ ràng rồi.

Tôi lấy nước lạnh cho uống thử là vì nước lạnh là tính của thiên nhất ⁽¹⁾, vị ngọt tính mát đến thẳng trường vị, không hại gì đến dương phận. Nếu là chứng

(1) Thiên nhất : chi thận thủy.

giả nhiệt thì nghén mà không nuốt vào được, hoặc nuốt vào được nhưng lại nôn mửa ra mà bụng hơi đau; nếu là chứng giả hàn thì dễ chịu, giống như hổ phách hút hạt cải vậy. Đó là bí quyết của Cảnh Nhạc.

10. Cảm mạo động thai.

Một ngư dân tên là Trử, có vợ có thai được 7 tháng bị cảm mạo nóng rét như bệnh sốt rét, nhức đầu đau mình gần 20 ngày, nóng dữ, thai động bụng đau, buồn phiền khát nước, nằm ngồi không trở trăn được. Thầy thuốc trước bảo là thai trụt xuống, dùng thuốc thăng đề, thai nhoi lên ngực mà càng đau dữ; một thầy khác lại làm giáng thì thai trụt xuống dưới rốn, càng đau bụng hơn, tiểu tiện ít. Thầy này nói : “Hạ thái quá thì hơi thăng lên, hơi thăng lên không khỏi thì thăng mạnh lên; khi thăng mạnh lên không khỏi cùng kế lại bảo phải an thai ngay là chủ yếu”. Đã uống vài thang càng đau trăn xuống.

Người nhà bệnh nhân mời tôi đến chữa, nói rõ đầu đuôi, tôi bật cười nói : “Đáng thương cho đứa trẻ này, chỉ hồn nhiên một khối thịt, chẳng biết hay dở, cũng không hay ghét ưa, khác nào như trâu như ngựa, mặc cho người lôi dắt, nâng thì lên, kéo thì xuống, thực vất vả nhĩ!”. Sao thầy lang lại không hiểu nghĩa Nội kinh đã nói : “Phạm vi bệnh mà động thai thì chữa khỏi bệnh là thai yên; vì động thai mà sinh bệnh thì an thai là bệnh khỏi”. Nay vì cảm mạo nóng quá sinh ra động thai nên chữa bệnh thì thai tự khắc yên;

can gì lại dùng tỳ vị làm thao trường, thai nguyên làm quả bóng mà tung lên ném xuống như vậy ?

Khi tôi tới thăm thấy bệnh nhân đã 42 tuổi, hỏi ra sinh đẻ đã nhiều lần, thì biết rõ là thiên quý đã kiệt. Và lại hình thể đen gầy, tóc khô mặt xám như than khói, đó cũng là dấu hiệu thuỷ suy hoả thắng, huyết kém âm hư, huống là thai treo giữa khoảng hai quả thận, tựa như chuông treo ở rường nhà, thai được vững vàng cũng là nhờ ở thận. Nay tráng hoả nung nấu chân âm, khác nào rường không vững thì liệu chuông có được yên không ? Huyết đã bệnh thì khí cũng bị thương. Nội kinh có câu: “Dương hư thì lạnh ở ngoài; âm hư thì nóng ở trong; âm dương cùng hư thì cả nóng cả rét”. Cho nên bên ngoài thấy có giả tượng thực tà thì há lại không nhận cái gốc vô hình hư ở trong ư ? Tôi dùng bài Lục vị hoàn làm thang gia sài hồ, bạch thược để phạt can tà, liễm can huyết gia tri mẫu, hoàng bá xao để tạm nén hoả thịnh bốc lên. Quả nhiên uống một thang thì khỏi hẳn nóng rét, thai mới hơi yên. Tôi biết là vì do hạ quá, làm cho bào thai bị cản mà đái gắt, cho uống Bổ trung thang bội thăng ma để nâng lên, đưa thai về chỗ cũ, mà tiểu tiện được thông lợi. Sau đó lại theo phương trước bỏ sài, thược, tri, bá gia mạch môn, ngũ vị, đồ trọng, tục đoạn cho uống 2 thang để bồi bổ chân âm. Tiếp dùng thuốc điều tỳ dương vị dùng sâm,

truật để cho yên. Không đầy 10 ngày mà được lành mạnh như trước.

11. Chứng vong âm.

Ông Sầm, người Bầu hạ cùng xóm với tôi bị cảm mạo vào tiết Tam phục, sợ rét phát nóng, nhức đầu đau mình không có mồ hôi. Thầy thuốc cho uống thuốc phát tán đã 4, 5 ngày không khỏi. Lúc đó mình như củi khô, lại càng phiền khát. Một thầy khác cũng dùng phép giải biểu mạnh đã vài ngày cũng không ra mồ hôi, nóng bốc ngùn ngụt, đêm ngày không yên, nhà bệnh thấy thuốc không hiệu nghiệm, cho ngừng uống thuốc 2 ngày, bỗng phát ra chứng rét run cầm cập tựa như chứng sốt rét, rét rồi lại nóng, chừng nửa giờ sau mồ hôi ra như dội, sốt lui, nửa người trở xuống lạnh như băng; nửa người trở lên còn hơi nóng. Đầu nhức như búa bổ, mắt nhắm chặt lại, trong ngực nóng uất bức dọc. Khi thức thì mồ hôi tự ra, khi ngủ thì đổ mồ hôi trộm, phiền khát như trước. Tinh thần lại càng rối loạn. Chỉ ở 2 gan bàn chân nóng như lửa, đem vật lạnh ép vào thì dễ chịu, không thì bứt rứt, vật vã không yên. Nhà kia lại mời thầy chữa, cho uống thuốc cố biểu thu liễm mồ hôi, mà mồ hôi vẫn không止, ngày càng nặng, giường chiếu đầm dìa, mình như dội nước. Đến lúc này lại mời tôi chữa và kể hết đầu đuôi, tôi nói: “Phù nguy cứu cấp

chẳng ngại đêm mưa là bốn phận của người thầy thuốc, không phải tôi sợ mệt không đi. Song nghe kể lại kỹ càng, tôi đã hiểu rõ bệnh : đó là chứng âm hư phát sốt, dù có ngoại cảm cũng là bởi hư, âm hư thì thuỷ suy huyết kém. Nội kinh nói: “Chữa bằng thuốc hàn mà cũng không thấy mát, phải tìm ở âm”, cho nên có lẽ phải lấy mô hôi ở huyết, dùng phép đem âm để dẫn dương. Các thầy trước mới thấy rét liền bảo là biểu chứng hãy còn rồi phát hãn luôn. Không biết rằng thuốc phong hay làm hao huyết, huyết càng hao thì mô hôi càng sấp. Cho nên mình như củi khô. Thầy sau ngờ thầy trước dùng thuốc chưa đủ sức, lại cho uống mạnh thêm, để đến nổi dương hư ở phần vệ mà phát rét, âm hư ở phần vinh mà phát nóng. Vinh vệ giao tranh, nóng rét đều phát, tựa như sốt rét.

Nửa người dưới mát, nửa người trên nóng là do âm mát ở dưới, dương thoát ở trên. Mô hôi là nước dịch của tâm, nước dịch ấy khô thì tâm hư, cho nên tinh thần mất chỗ dựa mà sinh rối loạn, đầu đau như búa bổ là không có âm giúp đỡ, tướng hoả bốc lên, não sắp bị nguy. Trong ngực buồn bực là vì đường thuỷ đạo bị bế tắc, tý thổ khô khan; âm hư thuỷ kiệt thì lòng bàn chân nóng, huyết Dũng tuyến khô. Nội kinh nói: “Các mạch dương khởi từ đầu 10 ngón tay; các mạch âm khởi từ 2 gan bàn chân”. Chứng âm hư hết thấy có bằng cứ

rõ rệt, không còn ngờ nữa. Tôi liền dùng thực địa 6 lượng, bố chính sâm 2 lượng bảo sắc đặc cho uống, trong một ngày đêm thì khỏi hẳn phiền khát buồn bực, tinh thần yên tĩnh, đầu nhức yên dần, mồ hôi cũng bớt được nửa. Liền dùng thực địa 6 lượng, Sâm bố chính 2 lượng, Mạch môn 5 đồng cân, Ngũ vị 1 đồng cân, Đại phụ tử 1 đồng, Ngưu tất 2 đồng, bạch truật 2 đồng uống hai thang thì các chứng bớt cả, chỉ còn hơi nhức đầu. Tiếp đó, dùng Bát vị hoàn gia Ngưu tất, Ngũ vị, Mạch môn, mỗi lần uống 7 đồng cân, chiêu với nước thang Qui tỳ. Khoảng 10 ngày thì âm dương thăng bằng, các bệnh khỏi hết.

Bệnh án này tôi cho rằng : mồ hôi như dội là nước dịch ở năm tạng đều hết, chớ không phải một tạng tâm. Tạng thận chủ cả năm thứ nước dịch, tất là “huyền thủy” (âm thủy) khô khan, cho nên chứng âm hư tiểu tiện đi luôn và ít là vì âm không gìn giữ được. Bởi thế dùng nhiều Thực địa để tuần bổ chân âm, mau sinh tinh huyết; dùng Nhân sâm đại bổ nguyên khí để giữ vững khí ở trung tiêu sắp thoát. Sau lại dùng Toàn chân thang để bổ nguồn sinh hoá của khí, làm cho hoá sinh thổ, thổ sinh kim, kim thủy sinh, nối tiếp sinh ra không bao giờ hết.

Tiếp sau dùng bài Bát vị hoàn bổ cả thủy hoá của tiên thiên, xen kẽ bài Qui tỳ để tiếp bổ âm huyết ở tâm tỳ của hậu thiên. Người ta chỉ biết mồ hôi là thuộc phần dương, thăng dương có thể phát

biểu, nhưng mấy ai biết mồ hôi từ phần âm sinh ra, dương âm có thể ra mồ hôi. Cho nên thấy rõ cái lẽ mây bốc lên thành mưa. Ai cũng biết vong dương thì mồ hôi thoát, mấy ai biết vong âm mồ hôi cũng thoát. Nghĩa là âm gìn giữ cho dương, dương vận dụng cho âm. Âm không gìn giữ được ở trong dương cũng không hộ vệ được ở ngoài, tấu lý khô se mà mồ hôi thoát. Nội kinh nói: “Tự ra mồ hôi là dương hư, ra mồ hôi trộm là âm hư”, cũng nghĩa là không gìn giữ, không hộ vệ được nhau.

Tôi chữa bệnh này, tuyệt đối không dùng những vị hoàng kỳ, phòng phong, ma hoàng căn, long cốt, mấu lệ mà mồ hôi tự止, không cần để ý tới chứng trạng vận vật mà các chứng nổi loạn cũng tự khỏi. Chỉ cần ở âm dương khí huyết mà thôi.

Nội kinh nói: “Biết được mấu chốt thì một lời nói là xong, không biết được mấu chốt thì miên man vô cùng”, thật là có ý nghĩa, can gì lại lúng túng thấy đâu chữa đấy!

12. Ho trẻ em.

Ông Nhật người làng tôi, có đứa con lên hai tuổi, mắc bệnh ho đã vài tháng. Cứ về chiều thì phát nóng rét như chứng sốt rét. Dùng thuốc đã khắp mà không khỏi. Bệnh ngày càng nặng, khi ho thì ngắt đi, sau mới tỉnh lại, mình nóng như lửa đốt, hốc hác như con cò hương, tình thế sắp nguy. Cha mẹ bệnh nhi liền bế đến trọ nhà bên cạnh để

nhờ tôi chữa. Đến xem thì thấy mắt lim dim, bụng trương mà đờm khô khè, tay chân hơi lạnh, khóc không ra tiếng. Độ nửa giờ lại thấy bệnh nhi há mồm, lắc đầu ôm bụng, vãi đái. Cha mẹ nó nói : đó là cháu họ; một lúc lại yên. Hễ bú vào lại trở ra, phân như cứt cò. Tôi thấy những chứng hậu đó đều là chứng chết cả, nhưng nghĩ tới lòng thành của cha mẹ nó đã đem tính mạng đứa bé phó thác cho mình, không thể không lấy lòng của cha mẹ nó làm lòng mình, mà tìm hết kế để tìm sự sống ở trong chỗ chết. Tôi tự nghĩ : hiện nay chứng thoát đã rõ thì cái nguyên khí còn mảy may cần phải cứu vãn lại ngay, hỏi chi vụ vợ nữa ! Liền dùng bố chính sâm 5 đồng cân, bạch truật 4 đồng cân, đại phụ tử 2 đồng cân, sắc đặc đổ cho uống luôn luôn. Từ cuối giờ Mùi đến canh hai đã thấy chân tay bệnh nhi ấm ấm, bụng đầy cũng khởi. Hơi thở đều đều, tiểu tiện trong lợi, tôi biết là nguyên khí đã hồi phục, phế khí đã giáng xuống, có cơ sống được. Đến nửa đêm lại phải chứng kinh giật đáng như bệnh kinh phong, mắt trợn trông thẳng, chân tay run giật, đờm dãi dào ra, miệng không ngậm được. Có một thầy lang khuyên tôi cho uống Ngư hoàng hoàn, tôi nói : “Nếu cho uống Ngư hoàng hoàn không khác gì người đã rơi xuống giếng lại quăng thêm đá xuống nữa, vì rằng chân âm hết sạch, năm tạng trống không”. Nội kinh nói: “Trong tạng hư sinh ra phong”. Phàm những chứng mất trông thẳng,

lắc giật vì trẻ em âm khí chưa đủ, can hoá vượng, tướng hoá bốc lên, thủy cạn huyết khô gân rút mà sinh ra chứng này. Khí không về chỗ cũ, đờm theo khí đưa lên sinh suyễn tắc. Miệng không ngậm mà chảy dãi là cái dấu hiệu tỳ thổ kém. Nội kinh nói: “Tỳ hư không giữ được dãi” là nghĩa thế. Cái kế hiện nay là phải nghĩ tới căn bản, có thể nào tỳ đã hư lại còn dùng ngư hoàng để bình thổ; thận đã kiệt, khí không về chỗ cũ lại còn dùng long não để bốc mất khí; gân đã táo cấp thì kinh lạc vô dụng lại còn dùng xạ hương để sơ thông.

Phâm chứng không phải là phong mà dùng nhâm long não, xạ hương thì lại dẫn phong vào xương, khác nào đổ dầu vào bột không thể lấy ra được. Vì thế tôi không nghe lời bàn của ông lang kia, mà vẫn cứ dùng Lục vị làm thang gia ngư tất, đồ trọng, ngũ vị, mạch môn sắc đặc, quế tốt mài riêng, cay miệng đồ thuốc vào, mới được một chút các chứng khỏi hết. Tôi nghĩ rằng ta muốn nạp khí về thận mà khí không về, đã về lại đi, như Nội kinh có câu : “Gặp chứng hư phải giữ lấy thận để bồi bổ sinh mạng”. Vả lại, chân âm chân dương là căn bản của sự sống, nếu bỏ căn bản thì tìm ở chỗ nào ? Tôi đã dùng bài Bát vị gia ngư tất, mạch môn, ngũ vị mỗi vị 6 đồng cân tán bột cho uống, chiêu bằng thang Bố chính sâm lại giáng phục những vị sâm, truật, khương, thảo để làm cái cơ

sinh hoá của hậu thiên. Dùng như thế luôn 2 ngày đêm mới khỏi chết.

Đến lúc này bệnh nhi bú đã mạnh hơn, trái ý đã biết giận, tiếng khóc đã to dần, tôi mừng nói : “Phế chủ về thở khí ra, thận chủ về nạp khí vào; phế là cửa của thanh âm. Thận là gốc của thanh âm, nay căn bản đã trở lại cho nên tiếng đã hơi dài”.

Tôi cứ cho uống như thế hơn hai tuần thì dất đi được, vịn đứng được, vui cười như thường.

Bệnh án này tôi chuyên chữa từ gốc mà các chứng khỏi. Vì trẻ em thuần dương vô âm, mà là dương khí non nớt đó thôi. Người không hiểu lẽ cho rằng “thuần dương là hữu du, hơi một tí đã dùng hàn lương. Đã nói là “vô âm” mà lại phạt chân dương chẳng phải là làm hại cả âm lẫn dương ư ? Vả lại âm khí (thiên qui) chưa thịnh, tướng hoá chuyên quyền, cho nên có bệnh là dễ phát nóng, dễ phát kinh. Hết thấy là do thủy suy huyết kém mà gân không được nuôi dưỡng. Tôi thấy ho từ rốn đưa ngược lên, biết là khí không còn ở chỗ cũ, tuy đờm từ ở tỳ ra, ho từ ở phế, nhưng không vội chữa ở tỳ và phế, mà chăm chăm chữa vào thận làm căn bản, dùng nhiều quế, phụ mới giữ được toàn. Người ta thường nói : “Trẻ em thuần dương, kiêng thuốc cay nóng hay trẻ em tạng phủ non nớt không thể dùng thuốc quá mạnh được” hoặc “trẻ em không có phép bổ thận” là những lời không có bằng cứ.

Người hiểu biết nghe thì trong bụng phân vân; người không hiểu nghe thì yên trí là đúng, chết oan vô số. Nếu gặp bệnh nhi nào bầm thụ kém, chứng hậu nặng như thế mà bỏ cách chữa này thì không còn cách nào khác nữa.

13. Sốt trẻ em.

Ông Liên là người ở cùng xóm với tôi, có đưa cháu gái lên 6 tuổi mắc bệnh nóng, người đen gầy, da dẻ nổi vẩy, nhức đầu, đổ máu mũi, uống nước nhiều, tiểu tiện đi luôn, đại tiện táo bón, mỗi khi đi đại tiện lại kêu khóc, khắp người lở lảy. Lúc này đương giữa mùa hạ, bỗng nhiên ngã vật ra, cầm khẩu, mắt nhắm, lưỡi thè ra, mồ hôi như dãi, tay chân buông xoải, mình nóng như lửa, đờm như kéo cưa, mê man không biết gì. Ai thấy cũng cho là trúng phong, còn may là chưa kịp uống thuốc, cho nên khỏi được cái hại uống khí được, phong được, đàm được như não, xạ, tinh, bán, tà, yết v. v... Nhà kia bế bệnh nhi lại nhờ tôi chữa. Tôi xem thấy 6 bộ mạch Phù Đại vô lực, biết là chân âm hư quá, thận thủy khô hết, lôi hoá bốc lên. Nội kinh có câu: “Hàn thì hại hình, nhiệt thì hại khí” cho nên những chứng bỗng nhiên ngã vật ra, Đông Viên cho là khí hư. Bệnh nhi này vốn là bệnh nhiệt, lại gặp tà khí nóng nực, nên sinh ra như vậy. Nội kinh có câu: “Hàn thì co rút, nhiệt thì buông xoải”, lại có câu: “Trong khí không có huyết thì sinh ra run

giật co quắp; trong huyết không có khí thì sinh ra buồng xoài rời rã”. Cho nên gân rút là do không có huyết, gân xoài là do không có khí. Miệng tuy thuộc về tỳ, mà hàm răng trên dưới lại thuộc Thận, Thận thuỷ không lên được nên hàm răng khô mà sinh ra cảm khẩu. Vả lại trong cơ thể ta chỗ xương nào cũng là thuộc thận. Gân ở chỗ nào cũng là thuộc can. Thuỷ suy không nuôi được mộc nên gân cũng bị bệnh. Lưỡi là mầm của tâm, lưỡi thè ra thì tâm tuyệt, đó là chứng không chữa được. Nhưng may mà lưỡi còn hồng nhuận, rút vào một nửa, đó là do nóng quá hại đến âm, âm huyết khô mới có hiện tượng ấy, nhưng cái nóng đó chỉ là giả nhiệt mà thôi. Nếu gặp hàn lương sức công mạnh quá, thế hoá bốc lên hết mức bị thuỷ chặn thì hoá tự tắt mà không trở về chốn cũ được. Nội kinh nói : “Hoả tức là khí, khí không được thăng bình mà sinh tà, nếu ghét nóng mà đập thẳng đi, hoá tuyệt thì khí cũng tuyệt”. Tôi dùng Lục vị thang gia mạch môn, ngũ vị để cứu nguồn sinh ra thuỷ (tức là phế), gia tri mẫu, hoàng bá là để tạm nén khí hoá bốc mạnh quá. Quả nhiên uống một thang thì các chứng khỏi hết. Sau cho uống bài Bát trăn, Thập toàn, Qui tỳ tiếp bổ khí huyết của hậu thiên, lại xen vào những vị thuốc làm mạnh thuỷ để phối với hoả, thêm bớt ít nhiều để bồi bổ. Trong sách nói : “Hoả hữu dư nhân đó mà thuỷ bất tức”. Nếu ta muốn

dập hoả đi để thuỷ trở lại, thì thuỷ đã suy chưa chắc đã trở lại mà cùng đi theo hoả, lại không phải là hai đảng cùng bị hại cả sao ? Chữa như thế hơn một tháng hoả được thuỷ mà sinh ra, âm làm cơ bản cho dương mà các chứng âm tảo nhiệt kết trước kia đều khỏi, ăn uống được, người dần béo tốt.

14. Chứng sản hậu hàn tích.

Ông Ty buôn bán thuốc Bắc, có vợ mới đẻ được vài hôm, vì cảm phải phong hàn bỗng phát ra nóng rét, các đốt xương đau ê ẩm, không trấn trở được, trong bụng có hòn to bằng cái đầu, rắn như sắt đá, đau như dao đâm, hòn trệ xuống dưới rốn thì tiểu tiện ít nhỏ giọt và ra huyết; hòn xóc lên lồng ngực thì mỗ ác tức nôn ngược. Mời một thầy thuốc đến chữa thì thầy này chủ về tiêu hòn cho uống nga truật với các thứ phá huyết hành khí. Uống 13 thang rồi mà hòn càng ngày càng to, càng chướng đau. Nóng rét càng tăng, thường thường há miệng như nôn mửa thì khí từ dưới rốn đưa lên như phát suyền. Người chồng thấy bệnh nguy cấp dùng thuyền con chở đến nhờ tôi chữa. Nguyên trước tôi thường mua thuốc của người này, tình nghĩa qua lại rất mật thiết. Được tin nguy cấp, không ngại đêm mưa, tôi cũng cố lại giúp. Đến nơi, thấy cả nhà rất bối rối. Tôi xem thấy 6 bộ mạch Phù Hoãn vô lực, tôi nghĩ rằng Trầm vi là mạch chính của người mới đẻ, bây giờ lại Phù Hoãn là vì chân

âm suy quá, tinh huyết yếu kém. Và lại bệnh nhân này vốn là âm hư, hình thể đen gầy, hỏi ra biết là lúc để thầy thuốc cho uống thuốc hành huyết, huyết ra nhiều quá. Tôi nói : “Thầy thuốc phần nhiều chấp nệ ở câu “sau khi để phải trục ứ, ứ huyết tiêu hết mới nên bổ” cho là cách chữa ổn đáng, hướng chỉ thấy trong bụng có hòn như thế, cho nên chỉ để ý vào trục ứ, mà không nghĩ tới căn bản hư thực thế nào ! Phàm sinh để là khí huyết đều thương tổn, mà còn hành khí tiêu huyết, không biết mau tìm từ gốc, đợi đến lúc muốn bổ thì sợ không bổ vào đâu được nữa. Cứ ý kiến tôi, khí hư thì trệ, khí trệ thì huyết không hành được. Nếu có hòn tích cũng chẳng qua là vì hư mà thành giả tượng đó thôi. Nội kinh có câu : “Người mạnh không bao giờ có tích, chỉ người hư là có thôi”. Hơn nữa người này thân thể yếu đuối, huyết thường vẫn ít. Khi để đã ra nhiều huyết, thầy thuốc lại công trục như thế thì còn đâu là ứ huyết nữa. Cách chữa hiện giờ chỉ nên bổ ngay căn bản khí huyết, cốt chú trọng ở chân âm chân dương. Phàm hoá đã thêm thì nguyên khí vững; thuỷ đã mạnh thì tinh huyết sinh. Nếu chỉ chuyên bổ về khí huyết của hậu thiên, thì khác gì trồng cây chỉ biết trau dồi cành lá mà không vun tưới gốc rễ để mong được cây tươi tốt thì chưa có lẽ đó bao giờ. Nhưng sau khi để chỉ có phát suyễn là chứng rất nguy, nay khí không về được chỗ cũ, dần dần xóc ngược lên, cần phải giữ

vững khí để đưa về chỗ cũ. Nếu chậm thì khó lòng mà chữa.

Tôi liền dùng đại tễ Bát vị hoàn gia ngư tất (sao), mạch môn (lùi), ngũ vị sắc cho đặc cho uống hết. Quả nhiên uống một thang thì các chứng đau trướng suyễn nôn đều bớt được một nửa, tinh thần hơi thanh sáng. Lại đổi dùng bài Tố nguyên cứu thận gia sài hồ, ích mẫu mà nóng rét đau mình khỏi cả. Lại theo bài Bát vị trước giảm đơn bì, trạch tả gia đương qui, bạch thược, ngư tất, đổ trọng mỗi thang sắc xong ba nước hợp lại làm một, lọc bỏ bã, cô thành cao lỏng cho uống hết. Cứ thế điều bổ trong ba ngày đêm thì cái hèn rắn như sắt đá trước kia không biết tiêu tán lúc nào. Ăn uống khoẻ dần, hình thần mạnh dần, tôi mới dùng những phương Bát trân, Qui tỳ và phương thuốc trước uống xen lẫn trong một tháng thì bình phục như cũ.

Xét cách chữa bệnh này, tôi chỉ bổ chính khí mà tả không còn nơi lẫn lút. Còn như bảo là “hòn tiêu rồi mới nói đến chuyện bổ” hoặc “có tích mà bổ nhảm thì lại giúp thêm tai vạ”, đó là cách chữa bệnh thực của người xưa. Nếu sau khi đở khí đã hư, thấy chứng đã hư mà thuốc lại làm hư thêm, thì lại mắc cái vạ “làm hư thêm cái đã hư”. Hơn nữa, hòn tích đương rất to và rất rắn, ai không cho là huyết tụ khí tích, là chứng hà, chứng trung? Riêng tôi cho là giả tượng giả hình, theo đó mà

chữa, không phải công mà tự vỡ. Công hiệu mau như vậy, so với những vị phá khí hại huyết có tích chất tai hại dữ dội như pháo tiêu, đại hoàng, nga truật, tam lăng với những vị đào nhân, hồng hoa, can tất, bồ hoàng, linh chi, huyền hồ, chỉ thực, ba đậu sương... thực khác nhau một trời một vực.

Ý nghĩa thay lời Vương Thái Bộc : “Chữa chứng thực mượn công làm bổ; chữa chứng hư mượn bổ làm công”. Cốt yếu ở chỗ không bỏ chính khí, chớ không phải sâm truật mới là bổ, tiêu hoàng mới là hại. Giữa khoảng hư và thực là chỗ khéo léo của các thầy thuốc.

15. Chứng sườn đau đầy tức.

Viên quan giữ Vinh Dinh được lệnh về kinh đô triều yết. Thời gian này khí trời nóng nực, bà Thái phu nhân nhiều tuổi, công tử thơ ấu, nên viên quan ấy nhờ tôi sắp sửa thuốc men đi theo.

Đường đi qua núi Tượng ở Thanh Hoá, nhân lúc nước xuống (ròng), thuyền bị cạn hơn một tuần. Nhân khi nhân rồi, tôi thường mang bầu rượu túi thơ lên núi ngắm cảnh, uống say ngâm hão. Chỉ một hòn đá, một cái cây cũng đủ cung cấp cho cao hứng. Ngày nào cũng đến tối mới về.

Một hôm tôi vào chơi chùa, cùng nhà sư trò chuyện, trong nhà chùa có một người ốm, bàn bạc mời thầy chữa thuốc, một người nói : “Trong địa phương tôi chỉ có một ông lang Tài là người học

lực tinh thông, thật là tay giỏi”. Tôi hỏi nhà ông thầy thuốc đó, thì người kia nói : “Ở chỗ cây cối um tùm mé hồ lớn phía đông núi Tượng là nơi tiên sinh làm thuốc”. Tôi nghe nói chỗ đó thú vị thanh u, trong lòng kích động, liền từ giã nhà sư ra đi. Đi tới một ngôi chùa thấy cảnh đẹp như vẽ, liền dắt chú tiểu thẳng tới gõ cửa. Một chú tiểu chạy ra hỏi: “Quý khách ở đâu ? Tên họ là chi ? Tới nhà tôi có việc gì ?”. Tôi hỏi tiên sinh có nhà không thì chú tiểu đáp: “Thưa có, thầy tôi đang dạy học ở dưới mái nhà tranh”. Tôi nói: “Tôi là khách ở dưới thuyền, vì thuyền bị cạn, tôi lên xem cảnh, muốn vào thăm tiên sinh nói chuyện cho vui, chú vào bẩm tiên sinh rõ”. Chú tiểu trở vào. Tôi ngắm cảnh sân chùa, thấy phía tây sân giống vài cây mai già, xen vài khóm trúc, màu xanh lẫn trắng, bóng thưa xé ngang, chỗ thắm chỗ nhạt như tranh vẽ; trong mé tường phía đông có một cây to cao vượt lên, phô biếc khoe vàng như gấm dệt, cảnh là mềm mại rung rinh trước gió. Giữa sân có cột Thiên đài, dưới đài trồng toàn hoa thơm cỏ lạ, mùi thơm sắc đẹp thật ưa. Tôi nghĩ người ta có câu : “Vào nhà ai chỉ một chén nước chè, có thể biết vợ người chủ thế nào”, nhìn thấy cảnh thanh u này thì phong vị của chủ nhân đây cũng biết rõ được. Một lát, chú tiểu ra nói : “Mời quý khách vào”. Tôi đi theo chú tiểu tới dưới mái nhà tranh. Gặp cụ lang, hai bên chào nhau, mời ngồi đầu đấy rồi cụ lang nói : “Quý khách

vì cạn thuyền lên đây ngắm xem phong cảnh, thơ rượu làm vui, tôi thực vô duyên không được gặp sớm!”. Tôi đáp : “Cảnh ít, tình nhiều khó lòng đền đáp ! Huống lại một mình vợ vắng, bỗng ở chùa bên kia được biết tiên sinh học rộng biết nhiều, tôi cũng gọi là có biết thuốc, không ngại vội vàng tới đây yết kiến, chính là muốn được hiểu biết thêm những chỗ tôi còn thiếu sót”. Cụ lang nói : “Tôi là lang vườn nơi thôn dã, kiến thức hẹp hòi, thực đáng thẹn với lời khen ngợi !”.

Trong lúc trò chuyện, cụ lang này chỉ biện luận về khí huyết tạng phủ, tương thừa tương vũ với nhau; tôi thì đem âm dương, ngũ hành, dịch số, y lý, đạo thể quan hệ với nhau để làm lời bàn cao thượng. Cụ lang cũng tâm phục tôi học rộng nhớ nhiều. Tôi thấy cụ lang nói chuyện đoạn nào cũng không ngoài phạm vi bộ Y học, nhưng không mấy người nhớ kỹ được như thế, đáng khen là bậc Nho y.

Đến gần tối cụ lang mới nói: “Tôi mắc một cố tật, đã hơn năm nay, thuốc nhà không khỏi, nhờ bạn bè chữa cũng chưa bớt được chút nào. Ngờ đâu trời giúp người lành, may gặp danh y, xin cho phương thuốc thần kỳ để hai con ma bệnh không lẫn đâu được nữa. Xa xôi gặp gỡ, không phải là việc tình cờ !”. Tôi cũng không từ chối mà đáp : “Vâng, tôi không dám không cố sức để tỏ tình quen biết”. Cụ lang kể : “Tôi vốn là người huyết hư, hình

thể gầy yếu, đầu mùa hè năm ngoài vì dầm mưa mà mắc bệnh. Khi bệnh mới phát thì dưới sườn bên trái nổi một hòn nhỏ đau như dùi đâm. Tôi cho là đờm thấp, chữa chẳng thấy công hiệu gì, hòn đó lại to thêm. Nghĩ là chứng Hiếp ung uống Thác lý tiêu độc, hòn đó mòn dần, nhưng đau vẫn chưa khỏi. Đến nay đã hơn một năm, mỗi khi gặp tiết trời râm lạnh thì hai sườn đều đau, lại thêm đầy tức và ọc nôn, chỗ Đản trung buồn bực, chỗ ngang với tim nóng như lửa đốt, trong miệng trào nước dãi nhỏ đi không kịp. Lúc đó chỉ chườm nóng là dễ chịu. Cứ như thế nửa ngày hoặc một ngày rồi đỡ, nhưng sườn bên trái thì vẫn luôn luôn đau tức, được cái là ăn uống đều.

Đã vài tháng nay, miệng tuy muốn ăn, nhưng khi nuốt xuống lại no đầy. Đại tiện sệt sệt, mỗi sáng sớm đi đồng một lần. Tiểu tiện ngày thì đỏ, đêm thì trong lợi, lúc thức thì đi tiểu luôn. Khi ngủ thì ra mồ hôi trộm, khi tỉnh dậy thì lại tự ra mồ hôi dầm dấp khắp lưng, trong tâm nẩy động sợ sệt”.

Tôi nói : “Vọng, Vãn, Vãn, Thiết không thể thiếu một phép nào. Hỏi chứng để biết ở ngoài, xem mạch để biết ở trong thì thực, hư không thể giấu được”.

Cụ lang nhờ tôi xem giúp. Tôi thấy mạch ở bộ Thốn, bộ Quan cả hai bên đều Phù Hồng vô lực, hai bộ Xích rất vi, bộ Xích bên phải yếu hơn. Tôi nói với cụ lang : “Tôi xem cụ da trắng, tiếng nói ngắn hơi không tiếp tục thì biết rõ là chân âm chân dương đều kém cả, mà chân

hoả lại càng kém quá. Nội kinh nói: “Năm tạng đều có tướng hoả, chỉ có hoả ở can là mạnh hơn. Các thứ hoả khác, lúc chính thường thì giúp cho sự phát sinh mà lúc trái thường thì thành ra làm hại”.

Khi mới mắc bệnh, sườn bên trái có hòn, tuy cho là đờm, là thấp, là ung. Đó là bệnh hữu hình, không phải cái nọ thì là cái kia. Cần gì phải xét kỹ, đều không ngoài là hoả suy khí trệ. Hoặc huyết, hoặc đờm, hoặc tân dịch ngưng đọng lại mà sinh bệnh. Mỗi khi gặp lạnh lại phát, chẳng phải là khí hư ở biểu mà dương không tự vệ được là gì? Trong ngực buồn bức, nóng như lửa đốt, sinh ra trướng, oẹ đều do hoả vô căn bốc qua trung tiêu. Nội kinh có câu: “Mọi chứng nôn xóc lên đều thuộc về hoả”, là nghĩa thế đó. Còn trong miệng ứa nước dãi thì Nội kinh lại có câu: “Hoả hợp thì thuỷ tự”. Lại có câu: “Tỳ hư không giữ được dãi”. Chườm nóng thì đỡ đủ biết là bên trong lạnh. Lại có câu: Cam ôn trừ đại nhiệt cùng khí tìm nhau mà triệu chứng hư nhiệt đã rõ.

Miệng muốn ăn mà bụng không đói, là vì Mệnh môn hoả suy, không nung nấu Tỳ thổ nên tỳ mất tác dụng chuyển vận, ví như dưới đáy nồi không có lửa thì làm sao nấu chín được cơm, cho nên muốn ăn mà không ăn được.

Đại tiện sệt sệt là vì trong tạng hàn. Hoả ở hạ tiêu suy thì tiểu trường không thấm ra, bàng quang

không thấm vào được. Lan môn không chủ trì được thì lọc sao được thủy cốc. Cho nên dọn về đại trường mà hàng ngày đi ỉa sệt sệt, mỗi sáng đi tả một lần. Nội kinh nói : Sắc đen ở phương bắc thông vào thận, khai khiếu ở tiền âm và hậu âm. Cho nên nói : thận là cửa của vị. Lại nói : Thận là chức vị củng cố của toàn thân. Thận lấy nghĩa hai hào âm bọc một hào dương là quẻ Khâm, vượng ở giờ Tý, Hợi. Nửa đêm trở đi thì một khí dương sinh. Lúc này dương không sinh được, Khâm không vượng nữa, cho nên hay đi tả về lúc sáng sớm.

Tiểu tiện ngày thì đỏ, đêm thì trong lợi là vì chân âm hư quá. Ban ngày các dương khí vận hành, âm càng suy mà tiểu tiện đỏ sền. Ban đêm các âm khí vận hành âm được âm giúp cho nên nước tiểu trong. Nhưng lợi quá thì vong âm, Nội kinh có câu : Trung khí hư, nước tiểu biến màu. Người không tỉnh lấy đồ với trắng chia ra nhiệt với hàn là không đúng. Không ngủ được lại đi đại luôn, Nội kinh nói : Khi ngủ thì vệ khí đi vào phần âm mà chủ tĩnh, khi không ngủ thì dương không tăng, âm không tĩnh mà càng táo cho nên tiểu tiện đi luôn.

Ngủ thì ra mồ hôi trộm, chợt tỉnh thì tự ra mồ hôi, Nội kinh nói : Tự ra mồ hôi là dương hư, đổ mồ hôi trộm là âm hư. Lại nói : Dương giúp đỡ cho âm, âm giữ gìn cho dương, âm không giữ gìn ở trong mà ra mồ hôi trộm, dương không giúp đỡ ở ngoài mà tự

ra mồ hôi.

Trong tâm sợ sệt là hiện tượng tâm thân không giao nhau. Tâm tạng thần, thận tạng chí. Nội kinh nói : Tinh của hoả là thần, tinh của thủy là chí. Thủy hoả không giao nhau là thần chí không vững mà hồi hộp sợ sệt.

Vả lại, ngoài theo vào chứng trong tham khảo với mạng, rút cục không vượt ngoài lý do chân âm chân dương đều suy kém. Cách chữa hiện nay nên hoàn toàn chú ý tới gốc nếu chỉ chú ý về khí huyết, khác nào như gãi ngứa ở ngoài giày”.

Cụ lang than rằng: “Tôi bây giờ mới thấy như người trong giấc mơ mới tỉnh. Bấy lâu nay như người nhìn trời qua ống, không biết là trời rộng ! Tôi ở nơi hang cùng ngõ hẻm, làm nghề thuốc vài chục năm nay, tuy chưa nghiên cứu khắp sách vở, nhưng cũng đã là hạng thầy thuốc khá ở địa phương. Nay được nghe ngài phân tích bệnh tình, vạch rõ nghĩa kinh, hết thấy có bằng cứ rõ ràng, mối manh rành mạch thì từ trước tới nay sự học tập nghe biết của tôi đều trật ra ngoài những điều đó. Đáng thẹn cho tôi là gần chữa mình, xa chữa người, nay mình chưa chữa được thì còn chữa được ai ? Nhưng có chỗ đáng ngờ là ngài bảo chỉ toàn chú ý tới gốc, không chú ý ở khí huyết. Từ trước tới nay, tôi chỉ biết hoả là dương, thủy là âm, thì thủy hoả cũng là âm dương, âm dương cũng là khí huyết”. Tôi cười mà đáp : “Âm dương là tên trống

không, mà thuỷ hoả là chất thực. Khí huyết là chất thực có hình của hậu thiên; thuỷ hoả là cái hư không vô hình của tiên thiên. Nội kinh nói : Bệnh nhẹ là do khí huyết bị thương; bệnh nặng là do thuỷ hoả làm hại. Chữa bệnh nhẹ mà bỏ khí huyết, chữa bệnh nặng mà bỏ thuỷ hoả thì cũng như người leo cây để tìm cá, đánh dấu thuyền để mò gươm. Cho nên nói chữa các bệnh lấy thuỷ hoả làm căn bản, lấy khí huyết làm tác dụng. Lại nói : Làm cho đầy đủ chỗ trống rỗng là khí huyết, hoá sinh khí huyết là thuỷ hoả. Phàm gặp chứng hư tổn chỉ nên để ý ở căn bản. Căn bản vững thì tự hoá sinh được khí huyết. Sách xưa nói : Khí huyết lại có gốc của khí huyết, âm dương lại có chốn của âm dương. Cho nên tôi dùng sức toàn ở hai chữ “gốc” và “chốn”, cứ gì phải phân khu ở khí huyết. Cho nên nói : Làm mạnh chân thuỷ, bổ thêm chân hoả. Từ dương dẫn đến âm là cái khéo bổ thuỷ ở trong hoả; từ âm dẫn đến dương là cái phép bổ hoả ở trong thuỷ. Đó đều là cái lẽ “tìm gốc” cả.

Cụ lang nghe tôi nói, ngẩn ra một lúc mới tỉnh ngộ, liền đem thuốc của nhà ra nhờ tôi bốc giúp. Tôi nói : “Trong thuyền tôi dự bị đủ cả, hà tất phải thế”. Cụ lang kêu nài. Tôi giải thích : “Không phải là tôi có bí hiểm gì, nhưng nghĩ rằng loài thảo mộc được linh nghiệm là nhờ ở thuỷ hoả, bào chế thì công dụng có hơn kém khác nhau. Và cách bào chế của tôi hoặc nhân sách mà thay đổi, hoặc tự ý chế ra cũng như

quân biết tướng, tướng biết quân, cho nên nhiều ít, khó dễ tự giúp đỡ được nhau”. Tiếp đó tôi sai tiểu đồng về thuyền đem hòm thuốc lại điều chế, để rõ là không hiểm bí. Khi thuốc mang đến, tôi bốc bài Bát vị làm thang gia ngũ vị chung mật ong, mạch môn sao nước gạo, ngưư tất để sống làm 3 thang sắc đặc cho uống. Cụ lang thấy thuốc chế tinh tế không ngớt lời khen và nói : “Ngài học đã tinh, dùng thuốc lại cẩn thận. Những người cầu thả không thể bì kịp”.

Lúc đó mặt trời sắp lặn, tôi từ biệt ra về. Vài ngày sau, một hôm sáng sớm nghe trên bờ sông có tiếng gọi, mở cửa thuyền trông ra, tôi thấy cụ lang đứng trên bờ suối, mời tôi lại nhà. Tôi chưa muốn đi, cụ lang đứng mãi cố mời. Tôi biết là bệnh đã bớt rồi, liền cùng với tiểu đồng đi đến nhà cụ lang. Đến nơi, đã thấy trong nhà bày biện cỗ rượu thịnh soạn.

Cụ lang cười mà nói: “Bữa trước ngài ngẫu nhiên lại chơi tôi không kịp chuẩn bị. Nay gọi là có chút sơn hào dã vị để giải tỏ tấm lòng thành”. Tôi đáp : “Tình chơi với nhau chưa mấy, mà đã hiểu nhau sâu sắc là nghĩa thế nào?”. Cụ lang trả lời: “Thực là trời đưa ngài đến giúp tôi. Bệnh nặng nửa năm trời, bỗng một đêm khỏi hết, ơn tái sinh này không biết lấy chi báo đáp, chút vật nhỏ mọn xin chớ bận lòng”. Tôi hỏi: “Từ khi cụ dùng thuốc tôi đến nay bệnh bớt như thế nào?”. Cụ lang vừa cười vừa nói: “Đau đã khỏi hẳn, cử động mang nặng đã không còn trở ngại nữa. Ăn đã

biết ngon. Đi tả về sáng cũng khỏi. Chỉ còn đại, tiểu tiện và mồ hôi mới bớt được một ít. Nhưng khí lực thì hơn trước nhiều". Tôi bảo : "Nắng lâu mới gặp mưa rào, lấy đâu tươi nhuận được cả !". Tôi lại bảo chế phương thuốc trước làm viên uống với nước thang Quy tỳ. Cứ phương này uống luôn vài tháng, không những khỏi bệnh mà tinh thần lại hơn lúc còn trẻ.

Từ đó, không ngày nào là cụ lang không thết cơm rượu, tự thân đến mời tôi, khi ở gác chuông, khi bên núi đá, vừa uống rượu vừa nói chuyện thật là vui vẻ. Khi tôi không tới thì cụ lại mang rượu tới thuyền tôi, hai người uống rượu nói chuyện càng thêm thân mật.

Bỗng thấy nước đã lên to, tôi lại chào cụ lang rồi lên kinh đô. Cụ lang lấy một cân Nhân sâm, nửa lạng nhục quế để tiễn hành. Tôi nói : "Ngân dậm gặp nhau, cần chi phải thế !". Cụ lang cố nài nhận cho. Tôi nói : "Nhân sâm là của địa phương, tôi xin vâng nhận. Còn nhục quế là của quý như vàng ngọc, dám xin lưu lại". Hai ba lần cụ mới nghe. Cụ lại bảo bà vợ sắp sửa rượu, cá khô với các hành lý khác vừa một gánh, mang đến thuyền tôi nói mãi tôi phải nhận. Đến lúc này nước triều lên mạnh, thuyền đi như tên bắn, cụ lang đứng trên bờ đá ân cần tiễn tôi có ý luyến tiếc và làm một bài thơ tiễn biệt. Làn sóng theo gió cuộn cuộn, thuyền đi đã xa mà còn ngậm ngùi trông với. Bài thơ như sau: "Có duyên gặp gỡ khách xa xôi, Bệnh nặng nhờ tay chữa khỏi rồi. Ôn tựa ngàn non khôn báo đáp,

Nhớ ai chỉ ngóng vái phương trời”.

Tôi thấy bài thơ này có vẻ thanh nhã, đáng yêu, rất giàu âm điệu. Tiếc rằng đến chiều tôi đã đi khỏi núi Tượng, rồi cả một tuần đi đường ngâm thơ uống rượu một mình. Mỗi khi hào hứng một mình tôi thường ngâm đi ngâm lại bài thơ này. Không ngờ đêm đến nằm mơ thấy trò chuyện với cụ lang vái bốn lần.

16. Chứng quan cách.

Tôi đi theo cậu tôi là quan đồn thú lên kinh đô. Khi đi qua xã Tĩnh Lý (còn có tên là Tuyên Cam) thì áp bên cạnh là Từ Châu có người chức dịch họ Trần mắc bệnh quan cách đã 7, 8 năm nay. Chứng này ở chỗ mở ác vương vương như có vật gì ngăn trở, bụng đói mà miệng không ăn được, mỗi bữa chỉ ăn được vài miếng, nếu ăn hơi quá một tí là nôn ra ngay. Đợi một vài giờ sau những thức ăn trước tiêu hết mới lại ăn được vài miếng khác. Nước cũng chỉ uống được một chén con, nuốt dần thì được, uống quá thì trong ngực rong róc như sôi bụng và đau không thể chịu được, phải gục xuống cho nước chảy ra mới dễ chịu. Tiểu tiện bị ít, đại tiện trước táo sau sệt sệt.

Quan thú phủ là bạn thân với người đó nên giới thiệu tôi, người đó liền lại mời tôi chữa. Nguyên người đó có anh họ và chú họ đều là lương y trong nội viện chữa cho đã lâu không khỏi. Đã mời các thầy thuốc trong viện bàn bạc chữa cũng không bớt được chút

nào. Người đó thấy tôi ngần dậm xa xôi, đi đường nóng nực tất không muốn đi (bấy giờ đang giữa mùa hè nắng gay gắt), liền bảo người em cùng đến (người em có biết thuốc), đồng thời mang theo cả 40 - 50 đơn thuốc của các thầy thuốc trước. Đơn nào cũng ghi rõ ở dưới là uống mấy thang bệnh tăng hay giảm, và của thầy nào cho lần lượt đưa cho tôi xem. Vì người kia chỉ mong khỏi bệnh nên không ngại dùng thuốc. Tất cả các phương đều là thuốc hành khí, tiêu đờm và thăng đề cả, nếu có bổ cũng không ngoài những phương Tứ quân, Lục quân hay Bổ trung. Tôi cười và bảo: “Không phải tôi ngại nhọc không đi, vì chứng này tôi chữa đã quen lắm rồi”. Nội kinh nói: “Dương khí không đưa lên được là chứng quan, âm khí không hạ xuống được là chứng cách”. Nhưng chứng này có chia ra ế cách, phiên vị và quan cách khác nhau. Căn nguyên bệnh cũng khác hẳn. Nay xem các thầy chữa đều lẫn lộn không phân biệt được nguyên nhân của bệnh ở thượng tiêu, trung tiêu hay hạ tiêu. Vả lại chứng quan thì không lẽ nào thổ ra, chứng cách thì không lẽ nào nuốt vào được. Vì khí âm và dương không thăng giáng đó thôi. Chứng thực thì tạm thông làm bổ, chứng hư thì tạm bổ làm công. Nhưng chủ yếu là khí hư không vận hoá được mà sinh ra đờm; huyết hư không tư nhuận được mà sinh ra hoả. Đông Viên nói: “Chữa chứng bí cách dùng thuốc hành khí mà không thông, chính là không hiểu được lẽ đó”. Cho

nên các phương thuốc trước thuần dùng mặt hành khí tiêu đờm, rất thuốc thơm ráo thì chỉ có hại tân khí hao huyết mà thôi. Hơn nữa khí hư thì dễ sinh ra đờm, vì tỳ hư không vận hoá được; huyết hư thì dễ bốc hoả, vì âm hư không chế ước được dương. Nếu chỉ dùng thuốc hành khí thì tiếng là chữa bệnh, mà thực là làm thêm bệnh. Vương Thái Bộc nói : “Uống vào thổ ra ngay là vì không có thuỷ, ăn vào thổ ra ngay là vì không có hoả. Không có thuỷ thì phải làm mạnh chân thuỷ, không có hoả thì phải bổ thêm chân hoả. Cách chữa bây giờ chỉ nên bổ ngay mệnh môn hoả để giúp cho nguồn sinh hoá của tỳ. Sách Bản thảo nói : “Trung tiêu bị hàn khí làm nghẽn nên khí âm không thăng, khí dương không giáng được, phải dùng bội phụ tử mới có thể thông được”. Vì rằng mệnh môn hoả suy cũng như dưới nồi không có củi, dưới không có sức của hoả thì làm sao nung nấu được thuỷ cốc ở trong vị. Cho nên bụng đầy chướng mà nôn mửa. Các thầy không hiểu lẽ đó chỉ dùng sơn tra, thần khúc để bình vị hoá chất ăn, như thế lại càng chóng chết.

Tôi liền bốc đại tễ Bát vị làm thang giảm trạch tả gia mạch môn, ngũ vị, ngư tử sắc đặc cho uống, lại dặn cho uống dần dần từng tí một, đợi khi nào chỗ cách đã thông, uống vào không thổ ra nữa thì tùy ý uống.

Đến hôm sau, quả nhiên thấy nhà kia mang lễ vật đến tạ ơn và nói : “Uống xong hai nước thuốc đầu thì lồng ngực khoan khoái, ăn uống dễ dàng, tiểu tiện

trong lợi, hôm nay mới biết là khỏi chết, ơn tái sinh này không biết lấy gì đền giả. Dám mời ngài quá bộ lại chơi nhà để được lay sống". Tôi nói : "Lòng tôi muốn cứu sống người, giúp nguy cứu khốn, ví có nên công thì đó là nhiệm vụ, dám nói gì là công lao mà phải làm phiền như vậy". Tôi cố từ chối không đi và nói tiếp : "Ngày mai tôi phải trở về Nam, không ở lại trông nom giúp được. Nhà ông mấy đời làm thuốc, tôi đâu dám múa rìu qua mắt thợ, nhưng vì tình đồng đạo với nhau, xin giúp chút ý kiến hẹp hòi đó thôi". Nói xong, tôi biên đơn thuốc trước, dặn dò kỹ từng ly từng tý, đưa cho người em và bảo uống hết 10 thang thì dùng đơn này làm viên uống xen với thang Quì tỷ bổ mộc hương, gia quế ngọt. Người đó thấy tôi có công tâm không chút giấu giếm càng thêm khen ngợi.

Ngày tôi lên đường, lại đem lễ vật đưa chân. Tôi tự nghĩ : "Ta ở nơi núi non hẻo lánh, học thuốc 10 năm, quên ăn quên ngủ không lúc nào ngơi, tuy có chỗ hiểu được cũng còn thẹn rằng mình như ếch nằm đáy giếng xem trời, không biết là trời to chừng nào. Đến khi tôi chữa bệnh này thấy các thầy thuốc đều là danh y của Ngự viện, gần tới 10 người mà chẩn đoán bệnh với cách dùng thuốc mập mờ như thế, chẳng qua chỉ là hiểu biết cách thấy đâu chữa đấy, thực là đáng buồn, huống nữa là người khác ! Nhân tài thiên hạ cũng lắm, ý giả nghề thuốc là khó chăng ? Hay tại các ông không chịu nghiên cứu ?

Từ đó, tôi xiết bao ngậm ngùi, lòng muốn về như tên bắn. Khi trở về nơi ở cũ lại dứt chí chơi bời, đóng cửa học tập. Vì nghĩ rằng làm thuốc là cầm sinh mạng người ta, sống chết mất còn chỉ như trở bàn tay, thì hiểu biết của mình lại có thể không rộng rãi, đức hạnh của mình lại không đứng đắn được ư? Còn những kẻ cả gan không thận trọng như vậy có gọi là thầy thuốc được không?

17. Chứng khó đẻ.

Một người ở cùng trại với tôi tên là Liên có vợ có thai được 5 tháng bị bệnh, chứng thấy hoặc nóng rét, hoặc ho, hoặc phù nề, hoặc đau bụng, hoặc lậu thai, hoặc thai động, hoặc đại tiểu tiện bế. Các chứng hư này sinh lung tung không kể hết được.

Tôi thấy người này vốn là người yếu đuối, chữa phải nhằm vào căn bản. Nhà kia thấy bệnh lâu ngày công hiệu ít, thay đổi nhiều thầy nhưng bệnh ngày càng nặng, đã hơn một tháng bệnh chuyển nặng thêm. Nhà đó vội vàng lại mời tôi chữa. Lúc này ác chứng đã đủ, tôi không dám chữa những chứng lật vật khác, chỉ chú trọng vào căn bản như sâm, kỳ, can khương, chính thảo để bồi bổ hậu thiên; cứu thủy bổ hỏa, bổ âm bổ dương để bồi bổ tiên thiên. Ngày đêm thay đổi bổ tiếp. Chữa được 5, 6 tuần thì căn bản vững dần, các chứng khỏi hết.

Bỗng một hôm phát sinh đau bụng, mới nửa ngày đã thấy vỡ đầu ối ra nhiều nước. Tôi căn dặn không

được rặn và không được để cho bà đỡ xoa nắn trên bụng. Đồng thời cho uống thuốc bổ khí huyết như thường. Bụng cứ đau lải rải một ngày một đêm, thai không động đây, bệnh nhân mỗi mệt, hơi thở yếu và hôn mê. Gia đình bệnh nhân nghe những ý kiến can dờ cho là thai đã hỏng rồi, đến xin tôi hạ để cứu lấy người mẹ. Tôi vội tới xem thấy mỗi miệng và lưỡi sắc vẫn như thường, sáu bộ mạch Phù Hồng có lực, chỉ thường thường ợ hơi lạnh. Tôi đoán rằng sau khi ốm nặng, nguyên khí hư quá, không bao giờ khí huyết của mẹ hư mà thai lại được thịnh. Hơn nữa tình thế lúc này như kéo thuyền vượt cạn, chỉ nên tuấn bổ khí huyết, để làm thế tháo nước khơi bờ. Nhưng bổ khí huyết là giúp cho hậu thiên, mau sinh sao được. Chỉ bằng ta tìm ngay vào căn bản của khí huyết mới là đúng phép. Tôi liền dùng đại tể Bát vị hoàn làm thang bồi gia ngư tất, sắc đặc và dùng sâm chưng cách thủy hoà vào uống hết một lần. Quá nhiên uống xong là đẻ.

Bệnh án này tôi dùng thuốc bổ thủy hoá để làm thuốc thôi sinh, làm cho tinh thần cả mẹ lẫn con được tiếp tục mà thai xoay chuyển tốt. Không thôi sinh mà thôi sinh, không cần ôn kinh khai ứ mà đường lối thông suốt. Thực là một cách chữa ở ngoài phép thường vậy. Nếu không bạo gan, không vững lập trường mà nghe người xui giục thì giữ toàn được cả hai mạng thực cũng khó lắm !

Thầy thuốc giữ tính mạng người, há lại không cần thận sao ?

PHẦN IV

HOA ĐÀ CHỮA BỆNH BÍ TRUYỀN

Dưới đây là các bệnh án và các bài thuốc, cách chữa trị của tiên sinh Hoa Đà do Tôn Tử Mạc ghi lại.

I. HOA ĐÀ LÂM CHỨNG BÍ TRUYỀN

1. Chữa đầu đau mình nóng.

Ngoại thực kỵ tán, nội thực kỵ hạ.

Người đời chữa bệnh nội thực, phần lớn dùng thuốc phát tán. Tán thì ngoại sẽ hư, phong hàn thừa cơ xâm nhập, do đó bệnh sẽ nặng thêm. Người đời chữa bệnh nội thực, thường dùng thuốc hạ. Hạ thì nội sẽ hư, trường vị sẽ có hiện tượng khí xúc, tứ chi sẽ không được thư giãn. Hoa Đà tiên sinh chữa cho viên phù lại Nghê Tâm mắc chứng đầu đau thân nóng, đã dùng thuốc hạ, vì lẽ nó ngoại thực. Chữa cho Lý Diên cũng đầu đau người nóng, đã phát hãn (cho ra mồ hôi), vì nó là nội thực. Như vậy là nắm được cái bí quyết ngoại thực thì kỵ phát tán, nội thực thì kỵ hạ. Nội thực thì thấp hoả xông lên trên, cũng như khi đất uất tụ - cần phải cho tán đi. Ngoại thực thì uế tà giữ lại ở trong cũng như nước trong thung núi, cần phải tháo đi.

Người bị bệnh đầu đau người nóng, cũng như vậy, mà cách trị lại khác nhau, tuy là được phép tiên bí truyền, nhưng cũng là dựa theo đạo trời đất vậy. Tôi đã thử nhiều lần, lần nào cũng kiến hiệu.

2. Chữa chân tay mỗi, miệng khô.

Cho ra mồ hôi thì khỏi, không cho ra mồ hôi thì chết.

Viên huyen lại Doãn Thế khổ vì nổi tay chân mỗi, miệng khô, không muốn nghe tiếng người, tiểu tiện không lợi. Hoa Đà nói : “Thử cho ăn thức ăn nóng, mồ hôi ra thì khỏi, nếu không ra mồ hôi, sau ba ngày sẽ chết”. Lập tức cho ăn thức ăn nóng mà mồ hôi không ra. Hoa Đà nói : “Tạng khi đã tuyết ở trong, sẽ khốc mà chết”. Quả nhiên đúng vậy. Có lẽ Hoa Đà tiên sinh có căn cứ nên mới nói thế. Chân tay buồn mỗi, miệng khô, không muốn nghe tiếng người đó là chứng nhiệt. Thầy thuốc gặp trường hợp ấy, quyết không dám nói đến chuyện ăn nóng. Phần lớn chủ trương dùng thuốc mát. Nhưng hễ dùng thuốc mát thì sẽ gây ra sự co kéo, cho nên không khốc lóc chảy nước mắt được. Vì tiên sinh cho dùng thức ăn nóng, nên mới có chuyện khốc. Xưa tôi đã gặp trường hợp này, thường dùng thuốc nóng (cho tán nhiệt ở ngoài), thấy mồ hôi rịn ra, mà khoẻ cho nên càng tin tiên sinh nói không sai. Thâm trách người đời chữa bệnh nay không thể quyết đoán khoẻ hay không khoẻ, chết hay không chết. Xem cách chữa của tiên sinh có thể biết nên

làm thế nào.

3. Chữa đau răng.

Nên tân tán, ky lương át (nên cho vị cay nóng để phát tán, ky dùng thuốc mát để cản ngăn).

Người đời truyền rằng Hoa Đà tiên sinh chữa đau răng như sau : một chén con hoa tiêu, tế tân, bạch chỉ và phòng phong, sắc đặc súc miệng sau canh ba, không sợ răng đau, sâu phong hoá. Thực ra thì y thuật của tiên sinh tuy theo tiên dạy nhưng dùng thuốc là theo ý riêng của tiên sinh. Như nên cho tân tán mà ky lương át tức là bí quyết chữa các loại bệnh đau răng. Do đây mà biết rằng, chữa bệnh không nên câu nệ vào thuốc thang, thuốc thang có thể nguy tạo, có thể giả thác. Hơn nữa, nên xem bệnh nặng hay nhẹ, người hư hay thực, thời tiết lạnh hay nóng mà tăng giảm. Cho nên có khi bệnh giống nhau, thuốc giống nhau mà hiệu quả khác nhau. Người làm thuốc từ đây biết châm chước định đoạt.

4. Chữa thai chết.

Chu sa, kê bạch, mật, nao sa, bột đường qui, các vị bằng nhau, uống với rượu, thai chết ra.

Theo “Phổ tế phương”, Cam Lăng Tương phu nhân có mang 6 tháng, thấy đau bụng. Hoa Đà tiên sinh thăm nói : thai đã chết. Cho người dùng tay sờ biết được vị trí thai ở bên trái là trai, ở bên phải là gái. Người ta nói ở bên trái, thế là do thuốc uống cho ra,

quả đúng là con trai, và khỏi ngay. Nhưng lúc đó dùng thuốc gì thì không nói rõ, không thể không nghi ngờ. Có thể tiên sinh giỏi về giải phẫu, đã giải phẫu lấy ra, không chỉ cậy thuốc, chỉ lấy thuốc hỗ trợ thôi. Nay xem sách này thì biết rằng tiên sinh vốn có thuốc thật. Vì vậy khảo cứu sách cổ để chứng thực. Tôi đã từng dùng phương thuốc này, nhiều lần có hiệu quả kỳ diệu. Người ta coi là thuốc tiên.

5. Chữa mũi tên cắm vào xương.

Theo sách “Tương Dương phủ chí”, Quan Vũ trấn thủ Tương Dương, chống Tào Nhân trúng tên lạc, mũi tên đâm vào xương. Hoa tiên sinh đã chữa cho Quan Vũ bằng cách cạo xương, khử độc cho xuất huyết, xếp lại gân, vết thương đã lành. Nếu trị độc mà không dám cạo thì độc sẽ lây lan, thấy gân không dám xếp lại có thể làm cho gân co rút thì tai hại sẽ rất lớn. Người làm nghề thuốc phải học thuộc hai câu này, đừng thấy trật gân lòi xương mà sợ. Chỉ cần cạo, xếp đúng phép, sẽ không khó thấy hiệu quả kỳ diệu, mà người bệnh cũng đừng thấy nói phải cạo xương sửa gân mà hốt hoảng.

6. Chữa thấp trọc thượng thăng.

Có người khổ vì hoa mắt, đầu không cất lên được, mắt không nhìn được, đã có đến một năm. Tiên sinh thăm rồi cho cởi hết quần áo treo ngược lên, cho đầu cách mặt đất một hai tấc, dùng vải ướt xoa người, cho chạy quanh, chờ cho thấy các mạch đều ra hết ngũ

sắc, rồi cho máy đệ tử dùng dao cắt mạch, cho máu ngũ sắc ra hết, thấy máu đỏ ra thì hạ xuống. Dùng cao xoa, đắp kín chắn, mồ hôi ra bốn phía, cho uống đình lịch, khuyến huyết tán thì khỏi ngay. Đây là phép chữa nghịch.

7. Chữa hàn nhiệt.

Có người đàn bà bệnh hàng năm, người ta gọi là bệnh hàn nhiệt giao chú. Trong tháng 11 giữa mùa đông, tiên sinh cho ngồi trong máng đá, dùng nước lạnh mà dội, nói là phải dội trăm lần. Mới dội được bảy tám lần thì run muốn chết, người dội cũng sợ, muốn thôi. Tiên sinh bảo phải dội đủ số, đến tám mươi lượt thì khí nóng bốc lên ngùn ngụt cao hai ba thước. Dội đủ trăm lần thì cho đốt lửa cho ấm giường, đắp chăn dày, hồi lâu mồ hôi túa ra, dùng phấn thấm mồ hôi thì khỏi. Tắm lạnh sẽ tạo ra sức phản kích, lúc đầu cực lạnh, sau cực nóng, đủ để làm trong sạch mao quản, ra hết tà độc. Có trường hợp kinh lạc, da bấp bì hàn thấp phong bế, không thể ra mồ hôi được thì tắm lạnh là kiến hiệu nhất. Tôi vốn béo, xưa nay chưa uống thuốc phát biểu, khó chịu thì tắm nước lạnh, tắm xong thì thấy da thịt thông thoáng, tinh thần sáng khoái, mới tin rằng phương thuốc trên không lừa ai. Có điều là người cơ thể yếu không nên mù quáng dùng phương pháp này, có thể có hại. Lại nữa, sau khi tắm lạnh, phải dùng khăn khô mềm mà lau kĩ. Điều này không thể không xét kỹ.

8. Chữa bụng đau tỳ thối.

Vật sinh từ đất, đất khô thì vật héo, có thể đào đất mà làm nhuận. Theo đây có thể chữa tỳ.

Có một người bụng đau như cắt trong hơn mười ngày, râu mày rụng sạch. Tiên sinh thăm rồi nói : “Tỳ thối một nửa rồi, phải mổ bụng để rửa cắt”. Túc thì cho uống thuốc đặt nằm, mổ bụng xem tỳ, tỳ thối rửa một nửa, cắt bỏ thịt thối, bôi thuốc cao, cho uống thuốc qua trăm ngày thì bình phục.

9. Chữa bệnh chân.

Một người chân què không đi được. Tiên sinh thăm mạch rồi liền cho cởi áo, điểm mấy chục điểm trên lưng, cách nhau từ một tấc đến năm tấc, tà thuận không chống được, nói cứu các huyết thất trắng này, vết bồng cứu lạnh thì đi được. Về sau cứu khỏi rồi, các huyết cứu chạy dài hai bên lưng trên dưới cách nhau một tấc thẳng tắp đều đặn như kéo dây mực.

Tiên sinh coi tứ ngôn là chủ yếu, biết thuốc có chữa không đủ, thì thay bằng cách cứu. Người ta bảo rằng cứu không khó, tìm được huyết mới khó. Tôi cho rằng tìm huyết chưa phải khó, vì có hình vẽ mà theo, các bộ vị trên người ta có thể kê cứu được. Chỉ có điều nên cứu hay không nên cứu, cứu bắt đầu từ đâu, chấm dứt ở đâu, có gan, có hiểu biết mới thật là khó. Tiên sinh nổi tiếng đời sau chính ở hiểu biết đó.

10. Chữa độc rượu.

Rượu lên men làm thương tổn lá phổi, làm hại ruột

và dạ dày. Chỉ có cát hoa là giải được. Ký Độc Nghiêm Tân cùng ngồi với mấy người, vừa hay tiên sinh đến. Tiên sinh bảo Nghiêm Tân : “Ông trong người có được khoẻ không ?”. Tân nói : “Không có gì khác”. Tiên sinh nói : “Ông có bệnh gấp có thể thấy rõ trên mặt, đừng uống nhiều, uống nhiều thì không chữa được”. Rồi đưa bột cát hoa cho, bảo uống. Nghiêm Tân không tin, lại uống rượu. Khi về, đi được mấy dặm thì hoa mắt ngã từ trên xe xuống. Người ta dìu dậy, chở về nhà, qua một đêm thì chết.

11. Chữa vị quản.

Đốc Bưu Tử Nghi mắc bệnh, tiên sinh đến thăm. Tử Nghi bảo với tiên sinh : “Hôm qua bảo viên y lại là Lưu Tồi châm vị quản, châm xong thì ho khổ ho sở, muốn nằm không yên”. Tiên sinh nói : “Châm không được vị quản mà châm nhầm gan, ăn uống sẽ ngày càng giảm, năm ngày không cứu được”. Quả đúng như lời tiên sinh.

Người ta nói ho là do phổi, không biết rằng gió gan nổi lên làm cho phổi không được khoan thư, cũng đủ gây ho, như người ta nói mộc làm tổn kim. Người ta nói giảm ăn là do vị, không biết rằng can khi đi xuống dưới làm cho vị chướng, không thể ăn được, như người ta nói mộc khắc thổ. Người ta nói không ngủ được là do thận, không biết rằng gan là bể máu, gan có bệnh thì huyết hư, thế tất khó ngủ yên, tức là mộc làm hao thủy như người ta nói. Vị thuộc thổ. Số

của đất là năm, số năm là số tận cùng của đất, tận cùng mà không thể trở lại từ đầu, cho nên năm ngày thì không thể cứu được.

12. Chữa trẻ con ỉa chảy.

Phàm trẻ thơ khóc, cho bú thì thôi. Sữa hàn thì vị không khoan thư, khí đạ vào loại hư bại, không thể thổ ở trên thì phải lợi ở dưới. Đông Dương Trần Tự Sơn có đứa em trai nhỏ hai tuổi, bị bệnh ỉa chảy, thường khóc trước, ngày càng yếu. Dem hỏi tiên sinh, tiên sinh nói : “Mẹ cháu có mang, đương khí phải nuôi bên trong, trong sữa hư hàn, cháu bị cảm hàn của mẹ cháu. Cách chữa nên chữa cho mẹ thì cháu sẽ khỏi”. Rồi cho mẹ uống tứ vật thang, mười ngày thì thôi.

Tứ vật thang là phương thuốc quan trọng của đàn bà, có tác dụng hoạt huyết thông kinh. Hoa Đà đã dùng phép đó để chữa bệnh, tức là “con có bệnh thì chữa cho mẹ” như người ta nói. Phàm trẻ thơ ốm thì mẹ uống thuốc, thuốc phải dùng phụ khoa. Phép chữa bắt đầu từ đây (chữa ỉa chảy không phải là lạ, bài tứ vật phải gia phụ tử, nhục quế. “Con có bệnh thì chữa mẹ” là một ý hay. Sách nhi khoa đề xướng phương pháp này là bắt đầu từ Hoa Đà).

13. Chữa bọ cạp cắn.

Tính của nước là dẫn trương, độc sẽ tự tan.

Bành Thành phu nhân đang đêm đi ngoài, bị bọ cạp cắn vào tay, nên đau không chịu được. Tiên sinh

cho để nước ấm cạnh lửa, ngâm tay vào trong đó, kết quả ngủ được. Phải cho người thay nước mấy lần, không cho nước nguội lạnh. Đến sáng ngày thì khỏi.

Người ta bị ong chích, sâu bọ độc cắn thường dùng bạch phân, hùng hoàng, dầu thơm và các loại thuốc thảo mộc để bôi mà không mấy hiệu nghiệm, dễ bị sưng tấy, đau đớn. Xưa nay chưa ai biết cho ngâm vào nước nóng, cho dù biết ngâm nước nóng thì cũng không biết thay nước để gia cho nóng, nên cũng vô hiệu. Nay xem phép của tiên sinh, vừa giản đơn dễ dàng, lại có hiệu quả nhanh. Mới hay thuốc là phải biết thông biến, trị phải đúng chứng.

14. Chữa cấp chứng của Hoa Đà.

Không thể trông dùng phương gì.

Quận lại Mai Bình, vì ốm phải từ chức, về nhà. Nhà ở Quảng Lăng, đi chưa được hai trăm dặm thì nghỉ lại ở nhà một người quen. Hôm đó vừa khéo tiên sinh đến nhà chủ để nghỉ đêm. Người chủ bảo tiên sinh thăm bệnh cho Mai Bình. Tiên sinh thoát nhìn thì nói với Mai Bình : “Ông mà sớm gặp tôi thì không đến nỗi này. Nay bệnh đã kết, không làm gì được nữa, về nhanh thì còn có thể gặp gia đình, về nhà rồi còn có thể nấn ná được năm ngày nữa”. Mai Bình nghe theo, quả như lời tiên sinh đã nói.

Phàm người ta có bệnh ở trong thì trước phải thể hiện ra ngoài, vì thế xem bệnh phải coi trông là yếu

nghĩa số một. Biển Thước nổi tiếng là ở chỗ giỏi nhìn mà biết bệnh. Tiên sinh trông sắc mặt của Mai Bình mà biết chắc sẽ chết. Dù có bản lĩnh, cũng do có thể quyết đoán. Thầy thuốc nhiều người không hiểu nghĩa đó, chỉ cậy thăm mạch, coi đó là kim chỉ nam, cho nên người bệnh sắp chết mà vẫn còn chọn phương thuốc. Tôi thấy nhiều trường hợp như vậy rồi. Than ôi !

15. Chữa đầu phong.

Mặt mà lạnh, khó kiến hiệu (ý nói không tin tưởng ở thầy, ở thuốc thì khó có hiệu quả).

Quách Ngọc đời Hán từng nói : “Người tôn quý ngồi trên cao mà trông xuống thân tử, kẻ thân tử mang lòng sợ hãi mà hầu hạ bề trên. Chữa khỏi bệnh trong trường hợp này có bốn điều khó. Người tôn quý theo ý mình mà không tin tưởng kẻ dưới, đó là cái khó thứ nhất. Giữ mình không thận trọng, đó là điều khó thứ hai. Cốt tiết không khoẻ, không thể điều khiển được thuốc, đó là điều khó thứ ba. Thích nhân dật ghét nhọc mệt, đó là cái khó thứ tư. Kim thì có phân tặc, thời gian có giới hạn. Thêm vào đó là sự sợ hãi, cộng với sự cẩn thận đến rứt rề. Lòng lo cho chức phận thân tử còn chưa hết, còn đâu chú ý vào bệnh tật. Đó là lý do không khỏi”. Không biết rằng trong sách thuốc mà tiên sinh có được đã có câu nói đó. Vì vậy, tiên sinh chữa bệnh đầu phong cho Tào Tháo chưa khỏi, Tào Tháo nói : “Hoa Đà có thể chữa khỏi.

Tên tiểu nhân này cố tình nuôi bệnh cho ta để đề cao mình. Nhưng ta không giết tên này, thì cuối cùng nó cũng không dứt hết căn nguyên bệnh này cho ta". Câu nói này của Tào Tháo, đại ý là điều mà họ Quách đã nói : "Kẻ tôn quý ngồi trên cao mà nhìn xuống thân tử". Tiên sinh sợ dĩ không chữa tiết nọc được, hai câu sách thuốc đã ghi nói đủ rồi.

16. Chữa huyết tụ.

Máu đen tụ, giận dữ khỏi.

Huyết tụ ở thượng tiên, không phải có thể mổ mà đưa ra. Chỉ có con thịnh nộ thì sức cổ động của gan tăng đủ, huyết tụ tự tan. Đi lên trên thì sẽ thổ, đó là lẽ tất nhiên. Tiên sinh đã dựa vào điều này là chữa bệnh cho thái thú quận vichơ rằng làm cho ông ta nổi giận thì sẽ đỡ, bèn nhận nhiều tiền mà không ra sức chữa. Chẳng bao lâu bỏ đi, viết thư trách mắng ông ta. Quận thú quả nhiên nổi cơn thịnh nộ, cho người đuổi bắt để giết, đuổi không được, giận quá, nôn ra mấy thưng máu đen mà khỏi.

17. Chữa bệnh nặng.

Nói rõ thọ yếu rồi mới chữa, thì không oán là chết oan.

Thầy thuốc gặp bệnh, trước hết phải xem người đó có thể chết hay không, nếu cứ cho đơn bốc thuốc, thì dù thuốc vô hại đến khi chết sẽ đổ lỗi cho thầy, dù có một trăm miệng cũng khó mà cãi lại. Cho nên chữa bệnh trước hết phải tinh tường, nghĩa là phải

nhìn đúng. Tiên sinh gặp người bệnh có thể nhìn mà biết người đó thọ yếu thế nào. Đây không phải là tiên truyền, mà chỉ vì đã lâm chứng nhiều mà quen thôi. Đã từng có người ốm đến xin tiên sinh chữa. Tiên sinh nói : “Bệnh ngài đã ăn sâu, nên mổ tạng phủ, chữa thì có thể khỏi. Nhưng ngài chỉ còn sống được không quá mười năm, bệnh không thể giết được”. Người bệnh không chịu được khổ, ắt muốn chữa bệnh. Tiên sinh liền làm phẫu thuật, bệnh khỏi ngay. Mười năm sau thì chết.

18. Chữa mụn nhọt ở bên trong phủ tạng.

Vật tanh thành sâu, lấy ra rồi vẫn còn tiềm phục.

Lấy cá tanh giã nhỏ trộn với đường và bột, chôn xuống đất, qua một đêm sẽ thành sâu như con giun. Người nuôi gà đã dùng cách này để tạo thức ăn cho gà, nhanh và nhiều hơn gây các giống sâu khác. Đại để là đạo trời vốn sinh ra vật không ngừng, dùng sinh vật để tạo ra sinh vật, đúng là không đẻ mà tự sinh ra. Thái thú Quảng Lăng là Trần Đăng bỗng trong ngực buồn bực, mặt đỏ không ăn được. Tiên sinh bắt mạch nói : “Trong dạ dày sứ quân có con sâu, sắp thành nội thư, do vật tanh sinh ra”. Tiên sinh làm cho hai thưng thuốc chén để uống. Uống lần thứ hai thì uống xong được một lát, nôn thốc ra, trong đó có một con sâu đầu đỏ, có thể bò được, một nửa mình sâu vẫn còn là gỏi cá. Thế là những chứng kia khỏi

ngay. Tiên sinh nói : “Bệnh này sẽ còn phát ba lần, vì trong bụng vẫn còn di chứng của nó, giống nó khó mà diệt hết, gặp thầy thuốc giỏi thì chữa được”. Đến kì sau quả nhiên bệnh tái phát. Không may lúc đó Hoa Đà đi vắng. Trần Đăng chết.

19. Trị dễ khó.

Sản thì lấy huyết làm chủ sự, huyết thiếu thì khó đẻ, phải hỗ trợ.

Vợ Lý tướng quân ốm, mời tiên sinh xem mạch cứu chữa. Tiên sinh nói : “Động thai nhưng thai chưa ra”. Lý tướng quân nói gần đây có động thai nhưng thai đã ra rồi. Tiên sinh nói : “Theo mạch thì thai chưa ra”. Lý tướng quân không tin. Qua một ngày thì đỡ. Ba tháng sau lại động, lại mời tiên sinh. Tiên sinh nói : “Mạch như trước, là song thai. Đứa ra trước mất nhiều máu nên đứa sau không ra được, thai chết rồi, huyết mạch không hồi phục, nhất định là bám vào xương sống mẹ”. Rồi dùng phép châm kết hợp cho uống thuốc chín. Quả nhiên ra một thai chết, đã rõ hình người, nhưng đã tím đen đi rồi.

20. Chữa ho.

Quân lại Lý Thành khổ vì ho, đêm ngày không yên được. Tiên sinh thăm nói là có ung trong ruột, cho thuốc tán hai tễ, bảo uống. uống xong nôn ra hơn hai cốc máu mủ, bệnh dần dần khỏi. Tiên sinh nói : “Mười tám năm sau, bệnh sẽ tái phát, nếu không gặp thuốc thì không chữa được”. Tiên sinh lại cho thuốc tán,

bảo cất giữ cẩn thận. Sau đó năm sáu năm sau trong làng có người mắc bệnh giống như bệnh Lý Thành, đến gặp Thành xin thuốc, Thành thương tình đem cho, rồi đến đất Tiêu (quê Hoa Đà) gặp tiên sinh xin thuốc khác, vừa gặp lúc tiên sinh bị bắt, ý không nỡ nói. Mười tám năm sau, bệnh Lý Thành tái phát, vì không thuốc đành chịu chết.

Phổi cùng với đại trường là biểu lý, phổi có bệnh thì đại trường thiếu lực, do đó đại tiện không lợi. Hoặc sau khi đại tiện, mất sức, không cầm được trên nên dưới không ứng được. Nếu đại trường có bệnh thì sức phổi bị cản trở, cho nên khí không thư giãn, có thể ho nhiều hơn. Cây không khoẻ thì cành cũng yếu. Tiên sinh chữa ho mà dùng thuốc thổ vì biết có mủ độc xâm nhập vào tấu lý. Nhìn có vẻ lạ, thật ra thì không lạ.

21. Chữa các bệnh về mạch máu.

Thận có thể làm mạch hoạt, cần gì đến thuốc.

Tiên sinh từng nói với học trò là Ngô Phổ rằng : “Thân thể người ta muốn được lao động, nhưng không nên quá độ, vận động thì cốt khí được tiêu hoá, huyết mạch được lưu thông, bệnh không sinh ra được. Nước chảy không ngừng, cốt cửa không mệt” như thường nói là vậy. Cho nên đời xưa lấy cổ gấu cổ điều để khơi dẫn, nó vươn người vận lưng, vận động các khớp xương để mong không già. Ta có một phép, gọi là trò chơi ngũ cầm : một là hổ, hai là hươu, ba là gấu, bốn

là vượn, năm là chim, cùng là để chữa bệnh lại để cho luyện cho nhanh chân, lấy đó làm cái khơi dẫn. Nếu trong mình có chỗ không được thư giãn thì chơi trò ngũ cầm cho toát mồ hôi ra, sau đó xoa phần thì người sẽ nhẹ nhõm mà lại muốn ăn”. Ngô Phổ theo lời dạy, sống đến 90 tuổi mà tai tỏ, mắt sáng, răng vẫn chặt. (Tịnh Sơn chú : trò ngũ cầm thực hành nay có lẽ là do Ngô Phổ truyền).

22. Chữa các bệnh lưng, bụng.

Thế gian truyền tụng Phần Ông giỏi châm, đã soạn “Châm kinh”. Học trò là Trình Cao nài nỉ hàng năm Phần Ông mới truyền cho. Quách Ngọc thờ Trình Cao làm thầy, cũng nổi tiếng về châm, chỉ có điều là chữa cho người quyền quý thì có thầy thuốc không khỏi. Hoà đế hỏi căn nguyên thì Trình Cao trả lời rằng : Tấu lý rất là nhỏ, phải tủy khí mà phải rất khó, việc dùng kim chích đá nhể, chỉ tí tí là sai, phải dồn hết thần khí vào đôi tay, có thể hiểu được mà không thể nói ra được”. Lại nói : “Kim có phân tác, thời gian có hạn độ, từ đó đã thấy việc châm khó đến đâu”. Không biết rằng tiên sinh còn tài giỏi hơn. Học trò là Phần A ở Bành Thành cũng giỏi châm. Các thầy thuốc đều nói lưng ngực, tạng phủ không thể châm liều, kim châm vào không được sâu quá 4 phân, thế mà Phần A châm vào lưng sâu đến một hai tấc, châm ngực, tạng còn sâu đến năm sáu tấc mà bệnh đều khoẻ. Từ đây có thể thấy

thuật châm của tiên sinh còn hơn xa Phần Ông.

23. Chữa ung nhọt ở tạng phủ.

Thuốc dùng ma phí, tạng phủ cắt được, đã cắt ra rồi, không khó khâu ghép.

Ung nhọt phát ra ở tạng phủ, dùng thuốc, dùng kim đều không được. Tiên sinh chữa loại hiểm chứng này bằng cách cho uống ma phí tán (thuốc tê, mê) làm cho hôn mê bất tỉnh, dùng dao mổ lưng, phanh bụng, cắt bỏ chỗ tích tụ. Nếu ở trường vị thì sau khi cắt mổ, tẩy rửa, cắt bỏ phần bệnh rồi lại khâu kín lại, năm sáu ngày thì vết thương lành, hơn tháng thì bình phục.

24. Chữa tóc bạc

Uống địa tiết, đầu không bạc.

Phản A theo Hoa Đà xin thuốc để có thể ăn uống nhiều hơn người. Tiên sinh cho bài “Tất diệt thanh miến tán”. Vụn tất diệt một đấu, thanh miến 14 lượng. Lấy thuốc này dần, nói rằng uống lâu có thể khử tam trùng, lợi ngũ tạng, đầu không trọc. Phản A nghe theo, sống đến hơn trăm tuổi.

“Tất diệt” có người nói là lá cây sơn, nhiều dầu. Có người nói tức là “hoàng kỉ”, đại bổ khí. “Thanh miến” còn có tên là “địa tiết”, lại có tên là “hoàng chi”, tức là thực địa ngày nay. Thuốc này chủ yếu là lý ổn ngũ tạng, bồi bổ sinh khí. Lúc đầu Phản A giữ kín, sau vì say rượu đã tiết lộ ra, do đó bài thuốc

được lưu truyền hậu thế (Tĩnh Sơn chú : Thanh miến tất diệt, sách vở chưa giải thích. Chú này tuy chưa đủ rõ, nhưng cũng cho manh mối để tra cứu, có thể làm tài liệu tham khảo để nghiên cứu học thuật Hoa Đà).

II. HOA ĐÀ THẦN PHƯƠNG BÍ TRUYỀN

1. Ma phí tán thần phương.

Chuyên chữa chứng kết tụ trong bụng, phải dùng dao mổ bụng, cắt bỏ khối kết tụ. Hoặc sinh sâu trong não, phải mổ đầu ra mà cắt bỏ sâu thì bệnh đầu phong sẽ khỏi. Uống phương này thì sẽ bị mê, bất tỉnh nhân sự, tha hồ mổ cắt, không đau ngứa gì. Bài thuốc như sau:

Dương trịch trục 3 đồng cân;

Rễ cây hoa nhài 1 đồng cân;

Đương qui 1 lượng;

Xương bồ 3 phân;

Sắc uống một bát.

2. Quỳnh tô tán thần phương.

Đây là bài thuốc gây tê khi cần phải mổ xẻ ung nhọt để người bệnh khỏi đau đớn.

Thiêm tô 1 đồng cân;

Bán hạ 6 phân;

Dương trịch trục 6 phân;

Hồ tiêu 1 đồng 8 phân;

Xuyên ô 1 đồng 8 phân;

Xuyên tiêu 1 đồng 8 phân;

Tất bát 2 đồng cân;

Tất cả tán bột, mỗi lần uống nửa phân với rượu lâu năm. Nếu muốn mổ lớn, thêm men rượu trắng một viên.

3. Chỉnh cốt ma dược thần phương.

Thuốc này dùng gây tê để lấy đầu mũi tên.

Xuyên ô, thảo ô, hó gia tử, dương trịch trực, ma hoàng, khương hoàng. Các loại bằng nhau, nghiền thành bột, uống với nước trà hoặc rượu tùy ý. Dùng nước cam thảo để giải.

4. Ngoại phu ma dược thần phương.

Thuốc này bôi ngoài để gây tê khi cần cắt mổ, tránh đau.

Xuyên ô tiêm, thảo ô tiêm, sinh nam tinh, sinh bán hạ mỗi loại 5 đồng cân, hồ tiêu 1 lượng, thiêm tô 4 đồng, tất bát 5 đồng cân, tế tân 4 đồng cân. Tất cả nghiền thành bột, hoà vào rượu nóng để bôi.

5. Giải ma dược thần phương.

Sau khi dùng thuốc, ba ngày sau đổi gia, mọi chứng đã bình phục, phải dùng thuốc giải cho tỉnh :

Nhân sâm 5 đồng cân;

Sinh cam thảo 3 đồng cân;

Trần bì 5 phân;

Bán hạ 1 đồng cân;

Bạch vị 1 đồng cân;

Xương bồ 5 phân;

Phục linh 5 đồng cân.

Sắc với nước lấy một bát, uống tỉnh ngay.

6. Thân cao.

Da thịt thối nát, muốn khử bỏ thịt thối, ra thịt mới, thì sau khi cắt mổ phải bôi cao này.

Nhũ hương, một được, huyết kiệt, nhi trà, tam thất mỗi vị đều 2 đồng cân.

Băng phiến 1 đồng cân, xạ hương 2 phân.

Nhiệt thì gia hoàng liên 1 đồng, thối thì gia khinh phấn 1 đồng, có hoả thì gia đoàn long cốt 1 đồng, muốn mau kín miệng thì gia trân châu 1 lượng hoặc gia giải hoàng 2 đồng (cua hấp chín, lấy gạch vàng, phơi khô).

Tất cả nghiền bột, trộn đều.

Hoặc lấy 7 vị trên gia mỡ lợn nửa cân, sấp ong một lạng, hơ nóng lên, trát vào giấy bản, dán vào chỗ ung nhọt lở loét. Nếu là vết thương bị đánh thì phải tăng tam thất lên gấp đôi.

7. Tiếp cốt thần phương.

Thuốc này chuyên chữa bị ngã, bị đánh gãy xương. Trước hết phải nối ghép cẩn thận ngay ngắn, dùng thanh gỗ sam cố định chắc chắn. Bất kể người bệnh

đau đớn thế nào cũng phải chấp nối cho đúng. Sau đó dùng thuốc này, nhiều nhất chỉ dùng hai lần, không cần dùng lần thứ ba. Thuốc này, theo dược tính, có tác dụng trực ứ, hoạt huyết, chỉ thống, hiệu quả nhanh chóng.

Dương trịch trục 3 đồng; Sao đại hoàng 3 đồng

Đương qui 3 đồng; Thược dược 3 đồng;

Đan bì 2 đồng; Sinh địa 5 đồng.

Thổ cầu 10 con, giã nát; Thổ sắt 30 con, giã nát.

Hồng hoa 3 đồng.

Trước hết sắc thuốc bằng rượu, sau gia bột đồng tự nhiên 1 đồng cân, uống nóng.

8. Dự phong thần phương.

Thuốc này có thể dùng cho loại gió bốn mùa.

Phòng phong, khương hoạt, ngũ gia bì, thược dược, nhân sâm, đan sâm, ý dĩ nhân, huyền sâm, mạch môn đông (bỏ lõi), can địa hoàng, đại hoàng, thanh mộc hương, mỗi loại 6 phân.

Tùng tử nhân, tử thạch, mỗi loại 8 phân.

Tân lang tử 1 đồng, chỉ thực (nướng); ngưu tất, phục thần, quế tâm, mỗi loại 8 phân.

Tất cả nghiền thành bột, hoà mật vo viên to bằng hạt ngô đồng, uống với rượu 15 viên, ngày 2 lần, dần dần tăng lên đến 30 viên. Kiêng thịt lợn, cá, tỏi, hành sống, dấm.

9. Thông tiện thần phương.

Bệnh lâu ngày, cả tháng không đại tiện, đừng hoảng hốt. Chỉ cần bổ chân âm, làm cho tinh đủ sinh huyết, huyết đủ thì trường nhuận, đại tiện sẽ thông.

Thục địa, huyền sâm, đương qui mỗi loại 1 lượng.

Xuyên khung 5 đồng, hoả ma nhân 1 đồng.

Đại hoàng 1 đồng, đào nhân 10 hạt.

Hồng hoa 3 đồng, mật 1 bát, hoà nước sắc uống.

(Bài này rất hữu hiệu, bổ tinh huyết, sinh tân dịch, ắt phải nhuận trường, thông tiện).

10. Quán trường thần phương.

Đại tiện bế kết, thường dùng thuốc hạ. Nhưng dùng nhiều gây quen thuốc, dùng kết hợp bài này.

Một cái mật lợn, lấy nước mật pha vào ít dấm, dùng một ống trúc 3, 4 tắc cho một nửa vào cốc đạo (lỗ đít), rót nước trên vào, khoảng sau một bữa cơm thì thông tiện. Lại lấy hoa tiêu, đậu khấu sắc với nước. Dùng nước rễ cây sù, dầu vừng, cam điện, ba vị hoà với nhau rót vào cũng được. Lại có thể dùng đào bạch bì, khổ sâm, ngải, đại táo sắc mà thông cũng được. Thuốc này kiêm chữa cam lợi và sinh nhọt độc. Cần chú ý là thuốc phải hơi ấm, đừng nóng quá, nguội quá. (Từ hai nghìn năm trước Hoa Đà đã phát minh ra phép rửa ruột, lại còn biết cho thuốc vào hậu môn để chữa bệnh).

11. Lợi tiểu thận phương.

Thuốc lợi tiểu thường dùng là xa tiền, trạch tả v.v... nhưng hiệu quả chậm, yếu, không bằng dùng thám niệu quân.

Dùng phần đầu nhọn của lá hành cho vào ống ngọc hành (dương vật), sâu khoảng ba tấc, dùng miệng thổi nhẹ, tiểu tiện sẽ thông. Lại dùng muối bột cho vào hành mà thổi, cho muối bột vào ống ngọc hành cũng thông. Hoặc là lấy một cái bong bóng lợn, ở cuống vòi buộc vào một cái ống lông ngỗng, thổi cho căng tròn lên, buộc chặt đầu trên, cho đầu nhọn ống lông ngỗng vào mã khẩu (miệng ống ngọc hành), dùng tay ép bong bóng lợn, cốt làm cho khí từ bong bóng lợn thấu vào đến bàng quang, nước tiểu sẽ thông.

12. Phép thần xoa bóp.

Chân tay, tạng phủ người bị ứ tắc không thông dễ thành tám loại bệnh : một là phong, hai là hàn, ba là thử, bốn là thấp, năm là đới, sáu là no, bảy là mệt, tám là dật (nhàn dật). Các chứng này khi chưa thành bệnh, phải dẫn cho thông, làm cho cơ thể vững chắc, tà độc bên ngoài không thể xâm hại được. Khi đã trót cảm bệnh thì phải xem bệnh ở cơ quan bộ vị nào, theo tấu lý, dùng tay xoa bóp cho tan đi, hiệu quả của nó nhanh chóng hơn dùng thuốc thang, thuốc nước, thuốc viên, thuốc tán. Cách làm như sau :

1. Hai tay xoa vào nhau như rửa tay.

2. Hai tay xát nhẹ vào nhau, lật úp vào ngực.
3. Hai tay bóp nhau và ấn hông, trái phải như nhau.
4. Tay như kéo dây cung nặng, trái phải như nhau.
5. Hai tay bóp hông, từ từ xoay mình, trái phải như nhau.
6. Nắm tay đập về phía trước, trái phải như nhau.
7. Nắm tay đánh ngược về phía sau. Đây là phép mở ngực, trái phải như nhau.
8. Như ném đá, trái phải như nhau.
9. Lật tay đập lưng, trái phải như nhau.
10. Hai tay chống đất, co mình cuộn xương sống, hướng lên ba cái.
11. Hai tay ôm đầu, xoay chuyển trên hông. Đây là rút sườn.
12. Ngồi xếp bằng, nghiêng mình lệch về một phía như đẩy vật nặng, trái phải như nhau.
13. Ngồi bằng duỗi hai chân, một chân đá mạnh lên, trái phải như nhau.
14. Hai tay chống đất ngoái nhìn lại, như hổ nhìn, trái phải như nhau.
15. Đứng trên đất uốn trái mình ba lần.
16. Hai tay đan chặt vào nhau, dùng chân đạp tay. Trái phải như nhau.
17. Đứng dậy chân đạp không trước, sau, trái phải như nhau.

18. Ngồi bằng duỗi hai chân, dùng tay ấn đè chân duỗi, trái phải như nhau.

Mười tám động tác trên, bất phân già trẻ, mỗi ngày làm ba lần, sau một tháng sẽ khoẻ mạnh.

13. Mạn ứng viên thần phương.

Phương thuốc này công dụng rất lớn, có thể trị nhiều bệnh. Như gặp kết hung thì uống 7 viên với nước xì dầu. Chưa chuyển thì uống lần thứ hai. Bệnh thủy khí phù thũng toàn thân, uống 5 viên với thang phục linh. Bệnh nấc, uống 3 viên với thang đình hương. Vì tích thành lao, uống hai viên với thang niết giáp. Mọi chứng đau bụng, uống 7 viên với thang dấm. Bệnh đau bụng đột ngột uống 3 viên với thang hồi hương. Đại tiểu tiện không thông uống 5 viên với thang mật. Đau tim, uống 5 viên với thang thù du. Ngất đột ngột, uống 7 viên với nước tiểu. Bạch li, uống 1 viên với thang cân khương. Xích li uống 1 viên với thang cam thảo. Nôn vì lạnh dạ dày uống 2 viên với thang hồi hương.

Cam toại 3 lượng; nguyên hoa 3 lượng; đại kích 2 lượng; ba đậu (bỏ vỏ) 2 lượng; can tất 2 lượng, táo giác 7 quả (bỏ vỏ), đại hoàng (nướng) 3 lượng; tam lăng 3 lượng:

Bồ ngà 2 lượng; tân lang 1 lượng;

Mộc thông 1 lượng; đương qui 5 lượng;

Lôi hoàn 1 lượng; hắc khiên ngư 5 lượng;

Tang bạch bì 2 lượng; ngũ linh chi 2 lượng;

Nao sa 3 lượng; kha tử (bọc bột mì, hấp chín, bỏ mì) 1 lượng.

Trạch tả 2 lượng; chi tử nhân 2 lượng.

Các vị thuốc trên giã nhỏ thành bột, cho vào hai lít dấm gạo, ngâm 3 ngày, cho vào nồi bạc, đá đun nhỏ lửa ngào cho cạn hết dấm, sấy khô rồi lại sao vàng già. Sau đó cho vào các vị sau :

Mộc hương, nhục quế, trần bì (khử thớ trắng), đinh hương, thanh bì (khử vỏ), nhục đậu khấu, hoàng kỳ, bạch truật, phụ tử (bào chế, bỏ vỏ) mỗi vị một lượng. Thuộc dược, xuyên khung, bạch khiên ngư (sao), thiên nam tinh (nấu bằng nước), niết giáp (chế, tẩm dấm nước vàng), thực địa hoàng (ngâm rượu một đêm), mấu đơn bì, xích phục linh, vân đờn tử (sao), cân khương (bào chế, bỏ vỏ) các vị trên mỗi vị hai lượng, cùng giã thành bột. Cho hồ dấm vo viên to bằng hạt đậu xanh. Khi hỗn hợp thuốc phải làm trong gian nhà sạch sẽ, với lòng chí thành thì mới nghiệm.

14. Giao đằng hoàn thần phương.

Tễ này công dụng dài lâu, trừ bách bệnh.

Hà thủ ô tức giao đằng căn, loại đỏ trắng thì tốt 1 cân; phục linh 5 lượng; ngư tất 2 lượng; nghiền thành bột, dùng mật vo viên, uống với rượu 30 viên, kiêng ăn máu dê, lợn.

15. Bổ tâm đan thần phương.

Chuyên chữa chứng tâm khí không yên do sợ hãi hoặc suy nghĩ quá đáng, dẫn đến nói nhảm, chạy cuồng.

Chu sa 1 phân, hùng hoàng 1 phân. Hai vị cùng nghiền, bạch phụ tử 1 đồng cân, nghiền bột trộn đều, dùng máu tim lợn làm viên to bằng hạt ngô đồng, lấy chu sa làm áo, mỗi lần uống hai viên, khi sắp ngủ uống với thang nhân sâm, xương bồ. Thường uống một viên, có thể an thần, bổ tâm khí, chấn thần kinh.

16. Minh mục đan thần phương.

Chuyên trị truyền thi hư hao, mặt vàng, mình gầy, ho luôn.

Hùng hoàng 5 đồng; phân thỏ 2 lượng, sao khô; niết giáp 1 phân; mộc hương 3 đồng; bột nhẹ 1 phân; tất cả nghiền thành bột.

Cách chế : 1 lít rượu, đại hoàng 5 đồng cân, ngào thành cao, cho thuốc vào làm thành viên to bằng viên đạn, lấy chu sa làm áo. Khi dùng phải đốt hương an tức, chờ cho khói hết, tro hết, nếu không ho thì không phải là bệnh truyền thi, không được dùng thuốc này. Nếu khói vào đến miệng là ho không ngớt thì là bệnh truyền thi, nên dùng. Dầu canh năm thì uống, không cho ai biết, dùng nước tiểu trẻ em và rượu cộng một chén hoà thuốc viên mà uống.

17. Tuý tiên đan thần phương.

Chữa ngũ quan khí hư, tà độc phong hàn thử thấp

tích lại ở trong người, lâu ngày không tan, dẫn đến bán thân bất toại, tê dại mất cảm giác. Ma hoàng 1 lượng, lược bằng nước, sấy khô, giã bột; thiên nam tinh 7 cái, bào chế; hắc phụ tử 3 cái, bào chế, địa long 7 cái, bỏ đất. Trước hết cho bột ma hoàng cho vào một lit rượu, ngào thành cao, cho thuốc khác vào, làm viên to bằng viên đạn, mỗi ngày sau khi ăn và trước khi ngủ hoà vào rượu một lượng mà uống, mồ hôi ra thì bệnh khỏi.

18. Ngũ thăng tán thần phương.

Chữa cảm gió lạnh bốn mùa, mình nóng đầu nhức, mồm mệ, có đờm lạnh, ho và đầy chướng ở trong, cảm lạnh chưa quá ba ngày, uống vào thế nào cũng khỏi.

Cam thảo, thạch cao, bạch truật, ngũ vị tử mỗi thứ một lượng; cân khương 3 phân, chế. Tất cả nghiền thành bột mịn, mỗi lần uống 2 đồng cân thuốc sắc với một chén nước, cho vào hai lát sinh khương, một quả táo, sắc đến 7 phần, lọc bã, uống ấm. Nếu đầy chướng thì sắc với muối, cảm gió đau đầu gia kinh giới mà sắc.

19. Tất bát tán thần phương.

Chữa họng bế hết sức thần hiệu.

Nao sa, bạch phản mỗi thứ một mảnh to bằng quả bồ kết. Mã nha tiêu 1 phân, tiêu thạch 4 lượng, hoàng đan 5 đồng cân, tần ba đậu 6 cái, dùng một bát sứ thô, trước hết nướng chín, cho 4 vị thuốc trên vào, rồi cho hoàng đan, rồi đến ba đậu. Ba đậu phải đập vỡ, cho từng cái vào, chờ hết lửa ngọn mới cho tiếp

cái khác, cho một xác rắn vào đốt cháy tự nhiên chờ cho nhỏ sa, bạch phân thành nước, nguội lạnh đông kết nghiền thành bột. Mỗi lần lấy một ít thổi bằng quần bút vào chỗ đau.

20. Bích tuyết đan thần phương.

Chữa nhọt trong miệng và cổ họng sưng đau bằng cách ngậm.

Diêm tiêu 2 lượng, cam thảo sống hai lượng, thanh đại 5 đồng cân. Các vị này nghiền thành bột, lấy mật bò vàng hoà trộn đều đựng vào túi mật, treo chỗ gió, tháng chạp buộc lại, qua trăm ngày thì dùng được.

21. Bạch long tán thần phương.

Chữa phong độc, đỏ loét, lông quặm, nóng lạnh thì trào nước mắt.

Bạch thược phân 1 lượng, đồng lục 1 đồng cân. Các vị này nghiền từng loại thành bột mịn, sau đó trộn đều với nhau. Mỗi lần dùng nửa đồng cân, hoà tan vào bách phí thang, dùng ngón tay rửa mắt.

22. Táo giác tán thần phương.

Chữa năm loại trường phong đi ngoài ra máu, đi lị ra máu trước khi ra phân là ngoại trị, ra máu sau khi ra phân là nội trị, đại trường lòi ra ngoài không tụt vào được gọi là thoát giang, bốn phía vách hậu môn nhô ra từng cục như núp vú gọi là cử trĩ, trên đầu có lỗ thủng gọi là lậu trĩ. Tất cả đã có thể chữa bằng thuốc này.

Sùng bò vàng 1 cái thái nhỏ, xác rắn 1 cái, táo giác răng lợn 5 quả thái nhỏ, xuyên sơn giáp. Bốn vị thuốc trên cùng cho vào bình sứ, dùng đất sét vàng bịt chặt. Chờ cho khô, trước hết dùng lửa nhỏ đốt cho ra khói, sau dùng lửa to đốt cho đỏ rực lên, lấy ra dần ra cho nguội, nghiền thành bột. Người ốm lấy một quả hồ đào chia thành bốn phần, lấy một phần nghiền ra như cháo, khi sắp ngủ uống với rượu nóng rồi ngủ. Trước cho sâu ra đến canh năm, đến giờ Thìn lại uống một lần nữa, lấy vật độc ra, mãi mãi diệt trừ tận gốc.

23. Bài khô trĩ tán.

Hồng đơn (duyên đơn - Minium) cho vào bình, đốt bình cho bốc hết khói trắng rồi lấy ra tán nhỏ 1 tiền (3,7g) Khô phân tực phèn chua (bách phân - Alunitum) rang ở nhiệt độ cao, mất nước dần dần để tạo ra phèn phi, xộp, nhẹ 1 tiền (3,7g).

Ô mai nhục đem đốt cháy khô 2 tiền (7,4g);

Chu sa (đơn sa, thần sa - Cinnabaris) 3 phân (1,1g).

Tất cả tán bột mịn, bôi vào chỗ trĩ, ngày 3 lần. Bôi liên tục 1-2 tuần.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. **Làm đẹp khuôn mặt và mái tóc bằng các bài thuốc cổ đông y.**

Mei róng mei fà-zhòng yì gu fàng.

NXB : Kim Tuân, 3-1997.

Tác giả : Văn Thuyền Đường...

2. **Chăm sóc sức khoẻ do ăn uống trong gia đình.**

Jia tǐng yīn shí liáo yǎng

NXB : Sách Tư Xuyên, 6-1996.

Tác giả : Lưu Kế Lâm.

3. **Huyết áp cao và huyết áp thấp.**

Gào xuè yà yì dì xuè yà.

NXB : KHKT Hà Nam, 8-1997.

Tác giả : Mã Văn Phi.

4. **Thuật chăm sóc bệnh tật : Một nghìn phương pháp chăm sóc và tự chữa trăm thứ bệnh.**

Yì Shù yāng bìng : bāi bìng zì yāng yì qiāu fā.

NXB : KHKT Hà Bắc, 1-1995.

Tác giả : Từ Thụ Nam.

5. **300 câu hỏi về đau bụng (Tủ sách thầy thuốc**

trong nhà).

Fù tông sần bai wèn.

NXB : KHKT Thiên Tân.

Tác giả : Nhiệm Mỹ Thư.

6. **Những cách chữa bệnh kỳ diệu của dân gian.**

Míu giàn zhì bìng qí shù.

NXB : KHKT Quảng Tây.

Tác giả : Nha Đình Nghệ...



MỤC LỤC

1. Bệnh tiêu khát.	6
2. Chứng đau đầu do âm hư.	11
3. Người có thai bị chứng hoắc loạn.	16
4. Ngoại cảm ghé nội thương.	19
5. Bỗng nhiên ngã lăn ra mà không phải kính phong.	23
6. Chứng uất.	27
7. Chứng âm hư thuần nóng.	30
8. Chứng đậu hiểm.	34
9. Chứng chân nhiệt giả hàn.	40
10. Cảm mạo động thai.	42
11. Chứng vong âm.	44
12. Ho trẻ em.	47
13. Sốt trẻ em.	51
14. Chứng sản hậu hôn tích.	53
15. Chứng sườn đau đầy tức.	56
16. Chứng quan cách.	66
17. Chứng khó đẻ.	70

HOA ĐÀ CHỮA BỆNH BÍ TRUYỀN

I. Hoa Đà lâm chứng bí truyền

1. Chữa đau đầu mình nóng	72
2. Chữa chân tay mỏi, miệng khô.	73
3. Chữa đau răng.	74
4. Chữa thai chết.	74
5. Chữa mũi tên cắm vào xương.	75
6. Chữa thấp trọc thượng thặng.	75
7. Chữa hàn nhiệt.	76
8. Chữa bụng đau tì thối.	77
9. Chữa bệnh chân.	77
10. Chữa độc rượu.	77
11. Chữa vị quản.	78
12. Chữa trẻ con ỉa chảy.	79
13. Chữa bộ cặp cần.	79
14. Chữa cấp chứng Hoa Đà.	80
15. Chữa đau phong.	81
16. Chữa huyết tụ.	82
17. Chữa bệnh nặng.	82

18. Chữa mụn nhọt ở bên trong phủ tạng.	83
19. Trị khó đẻ.	84
20. Chữa ho.	84
21. Chữa các bệnh về máu.	85
22. Chữa các bệnh lưng, bụng.	86
23. Chữa ung nhọt ở tạng phủ.	87
24. Chữa tóc bạc.	87

HOA ĐÀ THẦN PHƯƠNG BÍ TRUYỀN

1. Ma phí tán thần phương.	88
2. Quỳnh tô tán thần phương.	88
3. Chính cốt ma dược thần phương.	89
4. Ngoại phu ma dược thần phương.	89
5. Giải ma dược thần phương.	89
6. Thần cao.	90
7. Tiếp cốt thần phương.	90
8. Dự phong thần phương.	91
9. Thông tiện thần phương.	92
10. Quán trường thần phương.	92
11. Lợi tiểu tiện thần phương.	93

12. Phép thần xoa bóp.	93
13. Mạn ứng viên thần phương.	95
14. Gia băng hoàn thần phương.	96
15. Bổ tâm đan thần phương.	97
16. Minh mục đan thần phương.	97
17. Tuý tiên đan thần phương.	97
18. Ngũ thặng tán thần phương.	98
19. Tất bát tán thần phương.	98
20. Bích tuyết đan thần phương.	99
21. Bạch long tán thần phương.	99
22. Táo giác tán thần phương.	99
23. Bài khô trĩ tán.	100

NHÀ XUẤT BẢN VĂN HOÁ - THÔNG TIN

43 Lò Đức – Hà Nội

ĐÔNG Y TRỊ BỆNH

Lương y KIỀU MAI

Chịu trách nhiệm xuất bản

AN CHUƠNG

Chịu trách nhiệm bản thảo

NGỌC LUẬT

Biên tập: THU HẰNG – MINH GIANG

Vẽ bìa: KHÁNH TÂM

Sửa bản in: THU HẰNG

Trình bày: PHƯƠNG OANH

Những bài thuốc
Hải Thượng Lân Ông
chữa bệnh cứu người

0501 667

Giá: 13.000đ